



*Ôn tập môn Lý luận chung Nhà nước và
Pháp Luật*

ÔN TẬP

MÔN LÝ LUẬN CHUNG NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

VẤN ĐỀ I

BẢN CHẤT, ĐẶC TRƯNG, VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC¹

1. Bản chất Nhà nước:

CNDVBC: Nhà nước là bộ máy đặc biệt, để đảm bảo sự thống trị về kinh tế, để thực hiện quyền lực về chính trị và thực hiện sự tác động về tư tưởng đối với quần chúng.

- Nhà nước là sản phẩm và biểu hiện của những mâu thuẫn giai cấp không thể điều hoà được.

- Nhà nước là một bộ máy trấn áp đặc biệt của giai cấp này đối với giai cấp khác, là bộ máy là bộ máy để duy trì sự thống trị giai cấp.

Đại học Luật: "Nhà nước là một tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị, một bộ máy chuyên làm nhiệm vụ cưỡng chế và thực hiện các chức năng quản lý đặc biệt, nhằm duy trì trật tự xã hội, thực hiện mục đích bảo vệ địa vị giai cấp thống trị trong xã hội"

Khoa Luật ĐHQGHN: " Nhà nước là một tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị, có bộ máy chuyên làm nhiệm vụ cưỡng chế và thực hiện chức năng quản lý xã hội nhằm thể hiện và bảo vệ trước hết lợi ích của giai cấp thống trị trong xã hội có giai cấp đối kháng, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản trong xã hội xã hội chủ nghĩa"

Nhà nước xét về bản chất trước hết là bộ máy trấn áp đặc biệt của giai cấp này đối với giai cấp khác, là bộ máy để duy trì sự thống trị xã hội.

Thể hiện trên ba mặt:

+ Chỉ thông qua Nhà nước, *quyền lực về kinh tế mới đủ sức mạnh để duy trì quan hệ bóc lột.*

+ Chỉ thông qua Nhà nước, giai cấp thống trị mới tổ chức, *thực hiện quyền lực chính trị của mình*

+ Chỉ thông qua Nhà nước, giai cấp thống trị mới xây dựng được hệ tư tưởng của mình trở thành *hệ tư tưởng thống trị trong xã hội*

- Tính giai cấp của Nhà nước:

+ Nội dung tính giai cấp là gì?

- Có tính khách quan, xuất hiện trên cơ sở qui luật

- Bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị , do chính giai cấp thống trị tổ chức nên

+ Mức độ biểu hiện và mức độ thực thi?

¹ © Người biên soạn: ThS. Nguyễn Minh Tuấn, Khoa Luật, Đại học Quốc Gia Hà nội.

- ở mỗi nước, mỗi khu vực, mỗi giai đoạn đều có sự khác nhau
- Trong tiến trình nhận thức về tính giai cấp của Nhà nước chúng ta đã quá nhấn mạnh, thậm chí tuyệt đối hoá nó...

- Tính xã hội của nhà nước:
 - + Là thuộc tính khách quan và phổ biến của mọi Nhà nước
 - + Nhà nước phải giải quyết những công việc chung, giai cấp thống trị không thể quản lý Nhà nước nếu không chú ý đến lợi ích của các giai cấp, tầng lớp khác.

2. Đặc trưng của Nhà nước: (5 đặc trưng)

- Nhà nước có hệ thống quyền lực công đặc biệt
- Nhà nước phân chia thành các đơn vị hành chính lãnh thổ
- Nhà nước có chủ quyền quốc gia
- Nhà nước ban hành pháp luật
- Nhà nước tiến hành thu các loại thuế

3. Vai trò của Nhà nước là gì, liên hệ vai trò của Nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay:

Vai trò của Nhà nước nói chung bao giờ cũng được thể hiện ở tính giai cấp và tính xã hội, vai trò của nhà nước hiện nay đã có sự thay đổi căn bản, nếu như trước đây quá coi trọng thậm chí tuyệt đối hóa tính giai cấp, thì hiện nay tính xã hội được chú ý nhiều hơn. (Tự phân tích và cho ví dụ...)

1. Trình bày khái quát về bản chất của Nhà nước ta:

- Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền XHCN, nhà nước của dân, do dân và vì dân. Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng duy nhất lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Nhà nước ban hành pháp luật, thể chế hoá đường lối, các Nghị quyết của Đảng.

- Trong giai đoạn hiện nay, Nhà nước ta đang tiến hành xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện công cuộc cải cách Bộ máy Nhà nước và nâng cao năng lực, vai trò của quản lý nhà nước. Hơn lúc nào hết vai trò của Nhà nước lại trở nên quan trọng, có tính chất quyết định đến việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đề ra là đến năm 2020 nước ta cơ bản sẽ trở thành một nước công nghiệp.

2. Vai trò của Nhà nước ta:

1. Nhà nước thể chế hoá đường lối, Nghị quyết của Đảng ra thành pháp luật. VD: quan điểm của Đảng về đấu tranh phòng chống tội phạm được thể chế hoá thành Bộ luật Hình sự năm 1999; quyền tự do kinh doanh có Luật doanh nghiệp... Nhà nước trong giai đoạn hiện nay có vai trò xã hội rất lớn là tổ chức công quyền, quản lý mọi lĩnh vực của đời sống xã hội (Trong giai đoạn hiện nay cần phải nâng cao hơn nữa vai trò lãnh đạo của Đảng, tuy nhiên cũng không nên tuyệt đối hoá vai trò lãnh đạo của Đảng...)

2. Nhà nước ta là Nhà nước mang bản chất nhân dân sâu sắc. Vì vậy trong mọi hoạt động của nhà nước phải thể hiện bản chất dân chủ. (Phân tích tính chất dân chủ trong tổng thể hệ thống các quyền cơ bản của công dân...)

3. Nhà nước ban hành pháp luật, trở thành một công cụ đảm bảo ổn định và trật tự xã hội, nhằm tạo lập một hành lang pháp lý, xây dựng thói quen sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật trong nhân dân.

4. Nhà nước điều tiết nền kinh tế bằng hệ thống các chính sách, hạn chế những mặt trái của nền kinh tế thị trường. Tạo hành lang pháp lý

bảo đảm an toàn cho các chủ thể kinh doanh. Nhà nước quản lý bằng các chính sách vĩ mô...

Điều 15 Hiến pháp đã sửa đổi:

Hiến pháp năm 1992	Hiến pháp sửa đổi
<p>Điều 15: Nhà nước phát triển nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Cơ cấu kinh tế nhiều thành phần với các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh đa dạng dựa trên chế độ sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân, trong đó sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể là nền tảng."</p>	<p>Điều 15 Nhà nước xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ trên cơ sở phát huy nội lực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Cơ cấu kinh tế nhiều thành phần với các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh đa dạng dựa trên chế độ sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân, trong đó sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể là nền tảng."</p>
<p>Điều 16: Mục đích chính sách kinh tế của nhà nước là làm cho dân giàu nước mạnh, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu vật chất và tinh thần của nhân dân trên cơ sở <i>giải phóng mọi năng lực sản xuất, phát huy mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế: kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, kinh tế tư bản tư nhân và kinh tế tư bản Nhà nước</i> dưới nhiều hình thức, thúc đẩy xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, mở rộng hợp tác kinh tế, khoa học kỹ thuật và giao lưu với thị trường thế giới.</p>	<p>"Điều 16 Mục đích chính sách kinh tế của Nhà nước là làm cho dân giàu nước mạnh, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu vật chất và tinh thần của nhân dân trên cơ sở phát huy mọi năng lực sản xuất, mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế gồm kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài dưới nhiều hình thức, thúc đẩy xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, mở rộng hợp tác kinh tế, khoa học, kỹ thuật và giao lưu với thị trường thế giới. Các thành phần kinh tế đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế được sản xuất, kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm; cùng phát triển lâu dài, hợp tác, bình đẳng và cạnh tranh theo pháp luật. Nhà nước thúc đẩy sự hình thành, phát triển và từng bước hoàn thiện các loại thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa</p>

5. Nhà nước quản lý xã hội, bên cạnh pháp luật, kết hợp với đạo đức, phát huy những giá trị nhân văn tốt đẹp của dân tộc. VD: Luật di sản văn hoá

6. Nhà nước giải quyết các vấn đề xã hội trực tiếp phát sinh (Y tế, việc làm, phúc lợi xã hội, giải quyết tệ nạn xã hội...) VD: Luật phòng chống ma tuý, Luật bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân....

7. Hội nhập khu vực và quốc tế là xu hướng tất yếu khách quan và là vai trò quan trọng của Nhà nước trong thời kỳ mới. (Liên hệ tình hình đầu tư nước ngoài ở Việt Nam, việc tham gia ký kết các hiệp ước quan trọng ...) VD: Hiệp định thương mại Việt nam - Hoa Kỳ, về việc gia nhập AFTA, WTO trong thời gian tới? Nhà nước ta đã nỗ lực như thế nào?...

VẤN ĐỀ II

BỘ PHẬN CẤU THÀNH VÀ NGUYÊN TẮC CHỦ YẾU VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BỘ MÁY NHÀ NƯỚC

Khái niệm Bộ máy nhà nước: BMNN là hệ thống các cơ quan từ trung ương đến địa phương, được tổ chức và hoạt động theo những nguyên tắc chung, thống nhất để thực hiện những chức năng, nhiệm vụ cơ bản của Nhà nước.

Bộ máy nhà nước XHCN được tổ chức theo nguyên tắc tập quyền.

Quyền lực tập trung vào trong tay nhân dân, bắt nguồn từ nhân dân và thuộc về nhân dân.

Bộ máy nhà nước được tổ chức theo nguyên tắc tập quyền nhưng có sự phân công giữa 3 loại cơ quan: LP-HP-TP

1. Nhìn tổng quát, bộ máy Nhà nước bao gồm:

- Cơ quan quyền lực nhà nước (Quốc hội, UBND, Hội đồng nhân dân các cấp)

- Cơ quan hành pháp (Chính Phủ và Ủy ban nhân dân các cấp)

- Cơ quan xét xử; (Toà án nhân dân tối cao, Toà án nhân dân địa phương, toà án quân sự và toà án khác do luật định VD: Toà án đặc biệt. HP năm 1992 qui định chế độ bổ nhiệm thẩm phán thay cho chế độ bầu thẩm phán; Chánh án toà án chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước cơ quan quyền lực nhà nước cùng cấp; đối với Chánh án toà án nhân dân tối cao trong thời gian QH không họp thì chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Chủ tịch nước và Ủy ban thường vụ Quốc hội. Trong xét xử thẩm phán và Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật)

- Cơ quan kiểm sát (Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân địa phương, Viện kiểm sát quân sự kiểm sát việc tuân theo pháp luật của các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác thuộc chính phủ, các cơ quan chính quyền địa phương, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân, thực hành quyền công tố trong phạm vi thẩm quyền do luật định, bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

Hiến pháp sửa đổi lần này đã sửa đổi : " Viện kiểm sát nhân dân tối cao thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp, góp phần bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất"

Và chế định Nguyên thủ Quốc Gia (Tự phân tích)

2. Những nguyên tắc: (Bốn nguyên tắc)

1	- <i>Nhân dân tổ chức nên bộ máy Nhà nước và tham gia quản lý nhà nước.</i>
2	- <i>Nguyên tắc đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng cộng sản đối với Nhà nước.</i>
3	- <i>Nguyên tắc tập trung dân chủ.</i>
4	- <i>Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa</i>

1. Nguyên tắc nhân dân tổ chức nên Bộ máy nhà nước và tham gia quản lý Nhà nước

- Điều 53 Hiến pháp: "Công dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội" ý nghĩa:

- Biểu hiện tính dân chủ và tính nhân dân sâu sắc của Bộ máy nhà nước
- Phát huy sức lực, trí tuệ của nhân dân, ngăn chặn tệ quan liêu, cửa quyền, chuyên quyền trong bộ máy nhà nước.

Nhân dân tổ chức nên bộ máy nhà nước và tham gia quản lý nhà nước:

- Nhân dân bầu ra các cơ quan đại diện, trực tiếp làm việc trong cơ quan nhà nước, tham gia thảo luận dự án luật, giám sát.
- Giám tiếp thông qua các tổ chức xã hội.

2. Nguyên tắc đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng:

Điều 4 HP 1992: Đảng cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành quyền lợi của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, theo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội".

Đặc điểm:

- Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội là sự lãnh đạo về Chính trị.
- Đảng phải tuân thủ pháp luật, Đảng không bao biện, làm thay các cơ quan nhà nước.
- Hiệu quả quản lý của Nhà nước là tiêu chuẩn đánh giá sự lãnh đạo của Đảng.

3. Nguyên tắc tập trung dân chủ: (tự phân tích)

Điều 6 HP 1992: "Quốc hội, Hội đồng nhân dân và các cơ quan khác của Nhà nước đều tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ"

- Tập trung là gì? Dân chủ là gì? Quá coi trọng một trong hai yếu tố sẽ dẫn đến điều gì? Kết hợp 2 yếu tố này như thế nào?
- Biểu hiện: (Bàn bạc tập thể quyết định theo đa số,)

4. Nguyên tắc pháp chế XHCN: (tự phân tích)

Điều 12: "Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa".

VẤN ĐỀ III**BẢN CHẤT, ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN****CỦA NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

1. Bản chất: Điều 2 Hiến pháp sửa đổi: "*Nhà nước CHXHCNVN là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nhà nước của dân, do dân và vì dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức*"

2. Đặc trưng cơ bản:

Theo giáo trình trường Đại học Luật Hà nội

Bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa:

1. Nhà nước XHCN vừa là một bộ máy chính trị - hành chính, một cơ quan cưỡng chế, vừa là một tổ chức quản lý kinh tế xã hội của nhân dân lao động, nó không còn là nhà nước theo đúng nghĩa, mà chỉ là "nửa nhà nước".

+ Khác với nhà nước nguyên nghĩa là bộ máy trấn áp của giai cấp này đối với giai cấp khác, Nhà nước XHCN không đơn thuần chỉ là bộ máy hành chính cưỡng chế, mà còn là một tổ chức quản lý kinh tế xã hội.

+ Trong thời kỳ quá độ, sự trấn áp là của đa số nhân dân lao động đối với thiểu số bóc lột.

+ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII đã nhấn mạnh phải xây dựng nhà nước vững mạnh: "Thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân"

2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa là thuộc tính của Nhà nước xã hội chủ nghĩa:

+ Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

+ Nhà nước bảo đảm và không ngừng phát huy quyền làm chủ về mọi mặt của nhân dân, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân

3. Nhà nước xã hội chủ nghĩa luôn giữ vai trò tích cực, sáng tạo, là công cụ để xây dựng một xã hội nhân đạo, công bằng và bình đẳng.

+ Nhà nước xã hội chủ nghĩa càng phát triển cao thì tính chất xã hội của nó càng cao, cơ sở tồn tại của nhà nước không còn nữa thì nhà nước xã hội chủ nghĩa sẽ "tự tiêu vong", nhường chỗ cho sự phát triển của một tổ chức tự quản mạnh mẽ, dựa hoàn toàn vào quyền lực nhân dân rộng rãi và toàn bộ xã hội.

Đặc trưng:

+ Nhà nước CHXHCNVN là một nhà nước dân chủ thực sự và rộng rãi:

+ Nhà nước thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam

+ Nhà nước CHXHCNVN thể hiện tính xã hội rộng rãi

+ Nhà nước thực hiện đường lối đối ngoại hoà bình, hợp tác và hữu nghị

Theo giáo trình Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà nội

1. Trình bày khái quát bản chất của Nhà nước nói chung:

- Tính giai cấp?, tính xã hội?

- Nhà nước XHCN khác căn bản với các nhà nước khác ra sao?

- Là khái niệm "mở", không đóng kín.

2. Trình bày Điều 2 Hiến pháp 1992 và Hiến pháp sửa đổi, nêu khái quát bản chất của nhà nước ta:

- Nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước
- Nhà nước cộng hoà XHCNVN là Nhà nước của tất cả các dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam, là biểu hiện tập trung của khối đại đoàn kết dân tộc anh em.
- Nhà nước Cộng hoà XHCNVN được tổ chức và hoạt động trên cơ sở nguyên tắc Bình đẳng trong mối quan hệ giữa Nhà nước và công dân.
- Tính chất dân chủ rộng rãi của Nhà nước ta đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế - xã hội, kinh tế thị trường không phải là mục đích tự thân của chủ nghĩa xã hội, mà là phương tiện để chủ nghĩa xã hội đạt được mục tiêu của mình.
- Nhà nước giải quyết các vấn đề xã hội phát sinh.
- Sức mạnh chính trị nhằm bảo vệ lợi ích của chính nhân dân lao động và toàn xã hội.
- Nhà nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa mở rộng hợp tác quốc tế.

VẤN ĐỀ IV

HÌNH THỨC NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Hình thức nhà nước bao gồm hai yếu tố: hình thức chính thể và hình thức cấu trúc nhà nước. Có quan hệ chặt chẽ với chúng là khái niệm chế độ chính trị; cho nên khái niệm chế độ chính trị cần được nghiên cứu gắn liền với khái niệm hình thức nhà nước. (Lưu ý: *Có quan điểm cho rằng hình thức nhà nước bao gồm cả 3 yếu tố trên - Giáo trình Đại học Luật*)

Chế độ chính trị thường được hiểu là tổng thể các phương pháp thực hiện quyền lực nhà nước, nhưng dưới góc độ Luật Hiến Pháp thì chế độ chính trị được hiểu là tổng thể các qui định của Chương I, chương đầu tiên của bản Hiến văn.

Theo giáo trình của Đại học Luật, chế độ chính trị là tổng thể các phương pháp và cách thức mà cơ quan nhà nước sử dụng để thực hiện quyền lực nhà nước.

Hình thức chính thể: (phản ánh cách thức thành lập và mối quan hệ giữa các cơ quan nhà nước)

Theo giáo trình của Đại học Luật, hình thức chính thể là cách thức tổ chức và trình tự thành lập các cơ quan tối cao của quyền lực nhà nước, xác lập những mối quan hệ giữa các cơ quan nhà nước và giữa nhà nước và công dân.

- HP 1946: *Việt nam dân chủ cộng hoà* (phân tích điểm giống với Cộng hoà Đại nghị, và cộng hoà Tổng thống trước khi đi đến kết luận chính thể HP 1946 là gần giống với CH lưỡng tính...)

- HP: 1959: *Việt nam dân chủ cộng hoà* (Chế định nguyên thủ QG đã thay đổi như thế nào? Vai trò lãnh đạo của Đảng CSVN lúc này đã được ghi nhận trong lời nói đầu của HP...)

- HP: 1980: *Cộng hoà xã hội chủ nghĩa* (Nguyên thủ QG tập thể = Hội đồng NN, Vai trò lãnh đạo của Đảng được "luật hoá")

- HP: 1992: *Cộng hoà xã hội chủ nghĩa* (Vai trò lãnh đạo của Đảng tiếp tục được khẳng định tại Điều 4 HP, thừa nhận sự tồn tại của hình thức sở hữu tư nhân, HĐNN tách ra thành UBND và Chủ tịch nước, HĐBT được đổi thành Chính Phủ, vai trò, trách nhiệm cá nhân được xác định cụ thể rõ ràng; nhớ 5 đặc trưng của chính thể HP 1992...)

Đặc điểm của hình thức chính thể nước ta theo Hiến Pháp 1992:

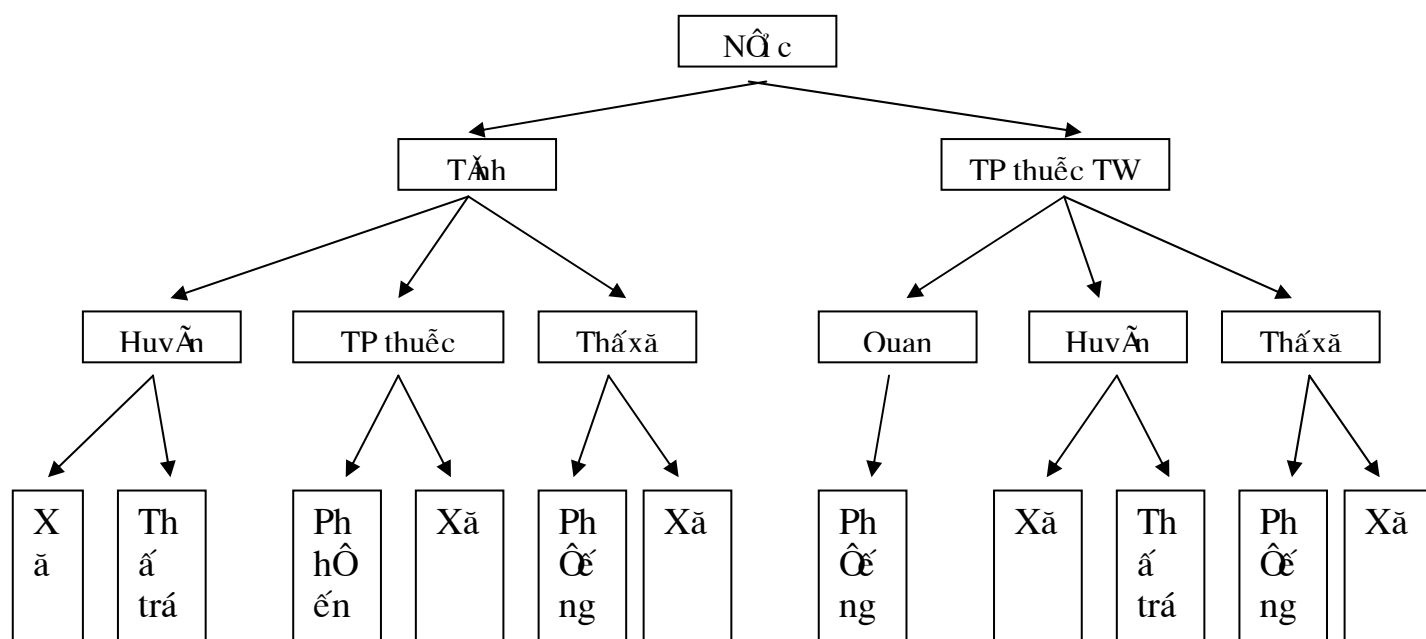
1. Chính thể Nhà nước CHXHCNVN qua Hiến pháp khẳng định rõ việc tổ chức quyền lực nhà nước phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.
2. Tất cả quyền lực Nhà nước tập trung vào cơ quan đại diện của nhân dân, nhưng có sự phân công, phân nhiệm rạch ròi giữa các cơ quan nhà nước.
3. Chính thể nước ta được xây dựng, tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ.
4. Mô hình tổ chức nhà nước Việt Nam mang bản chất giai cấp công nhân, có mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội, một xã hội công bằng không có giai cấp bóc lột.
5. Có sự tham gia rộng rãi của mặt trận tổ quốc và các tổ chức thành viên.

Hình thức cấu trúc nhà nước Việt Nam hiện nay:

Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một nhà nước đơn nhất, có chủ quyền, độc lập, lãnh thổ được phân chia thành các đơn vị hành chính và thành lập nên các cấp quản lý.

Nhà nước ta có quyền lực tập trung, có một Hiến pháp, pháp luật, một hệ thống Bộ máy Nhà nước và một quốc tịch.

Điều 118 Hiến pháp năm 1992 chia nhà nước thành các đơn vị hành chính lãnh thổ như sau:

**VẤN ĐỀ V****KHÁI NIỆM VÀ ĐẶC ĐIỂM****BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Bộ máy Nhà nước là hệ thống các cơ quan Nhà nước từ trung ương đến địa phương được tổ chức theo những nguyên tắc chung thống nhất, tạo thành một cơ chế đồng bộ thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước XHCN.

Phương diện thứ nhất: Cơ quan Nhà nước được hiểu là đơn vị cấu thành của Bộ máy Nhà nước

1. Cơ quan Nhà nước được mang quyền lực Nhà nước, được đặc trưng bởi 4 yếu tố:

- Trình tự thành lập và hoạt động của CQNN, cơ cấu thẩm quyền là do pháp luật qui định.

- Có quyền ban hành các VBPL đề ra các qui định có tính bắt buộc chung và cá biệt;

- Các qui định đó được đảm bảo bởi các phương thức thuyết phục, giáo dục, khuyến khích, tổ chức và được bảo vệ bằng sự cưỡng chế của Nhà nước;

- Có các điều kiện vật chất để tổ chức thực hiện các qui định do cơ quan nhà nước nói riêng và Nhà nước nói chung ban hành.

2. Cơ quan nhà nước có tính độc lập và tự chủ nhất định về tổ chức và tài chính.

3. Các cơ quan nhà nước, bằng việc thực hiện chức năng của mình đã đồng thời tham gia vào thực hiện các chức năng khác nhau của Nhà nước.

4. Cơ quan Nhà nước để thực hiện chức năng của mình, được trang bị những phương tiện vật chất cần thiết.

5. Cơ quan Nhà nước biểu hiện về mặt vật chất là những con người cấu thành, là một nhóm người, gọi chung là công chức.

Phương diện thứ hai, Bộ máy nhà nước được hiểu là một hệ thống các cơ quan nhà nước theo một trật tự, một cơ chế sắp xếp cụ thể

1. Hệ thống đó được chi phối bởi một tổng thể các nguyên tắc tổ chức và hoạt động thống nhất, xuyên suốt. VD: Theo HP 1992, nguyên tắc đó là nguyên tắc tập quyền XHCN, có sự phân công, phân nhiệm giữa các cơ quan nhà nước

2. Hệ thống đó là một cơ cấu giai cấp phức tạp, trong đó các loại cơ quan khác nhau có vị trí, vai trò khác nhau tùy thuộc vào từng chế độ nhà nước.

3. Tổng thể các cơ quan nhà nước luôn gắn với chức năng của Nhà nước

4. Bộ máy Nhà nước ngoài những cơ quan nhà nước còn bao gồm hàng loạt các cơ quan tổ chức, xí nghiệp, công ty- gọi chung là các yếu tố phụ trợ vật chất- đảm bảo ch việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của cơ quan Nhà nước.

Đặc điểm của Bộ máy nhà nước:

- Đặc điểm chung của bộ máy nhà nước ta là được tổ chức theo nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, nhưng có sự phân công, phân nhiệm giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp.
- Bộ máy trấn áp của nhà nước vẫn cần duy trì, nhưng tính chất và mục đích của sự trấn áp có sự khác biệt lớn so với sự trấn áp trong các kiểu nhà nước khác.
- Bộ máy nhà nước xã hội chủ nghĩa có đội ngũ cán bộ, công chức đảm bảo những tiêu chuẩn chung, thống nhất.

VẤN ĐỀ VI

NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN, ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

I. Những vấn đề lý luận chung về Nhà nước pháp quyền

- Học thuyết về Nhà nước pháp quyền là học thuyết về tổ chức và hoạt động của nhà nước được sinh ra trong phong trào đấu tranh để giải phóng nhân loại khỏi chế độ phong kiến chuyên chế. Mặc dù được sinh ra trong cách mạng tư sản của Châu Âu, nhưng cho đến nay, học thuyết nhà nước pháp quyền đã trở thành một giá trị văn minh nhân loại mà mọi nhà nước muốn trở thành dân chủ, văn minh đều phải hướng tới không phân biệt chế độ chính trị.

- Nhà nước pháp quyền không phải là một kiểu nhà nước như chúng ta phân loại mà là một mô hình tổ chức nhà nước giúp cho việc thực hiện được mục tiêu mang tính bản chất của mỗi chế độ chính trị.

- Nhà nước pháp quyền có cách thức tổ chức và hoạt động đối nghịch với các Nhà nước độc tài chuyên chế (phi dân chủ), Nhà nước được tổ chức theo phương pháp nhân trị (theo Nhân trị thì pháp luật chỉ bao hàm trong lĩnh vực hình sự), và Nhà nước được tổ chức theo phương pháp pháp trị (Chủ yếu là hình phạt để trừng trị)

Ba yếu tố Nhà nước - Pháp luật - Dân chủ là ba yếu tố cấu thành, ba nội hàm liên quan mật thiết với nhau của Nhà nước Pháp quyền.

Tóm lại *Nhà nước pháp quyền là phương thức tổ chức Nhà nước được dựa trên cơ sở pháp luật, mọi chủ thể kể cả Nhà nước phải phục tùng pháp luật, pháp luật phải mang tính pháp lý cao, phù hợp với lẽ công bằng, nhân đạo, thể hiện và bảo đảm đầy đủ những giá trị cao nhất của con người.*

Biểu hiện của nhà nước pháp quyền: (tự phân tích)

- Nhà nước pháp quyền phải là một nhà nước có một hệ thống pháp luật tương đối hoàn chỉnh đảm bảo tính tối cao của hiến pháp và các đạo luật
- Pháp luật phải đạt tới tiêu chí khách quan khoa học và công bằng
- Thiết lập nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật không có ngoại lệ
- Quyền lực nhà nước được tổ chức một cách khoa học có sự phân công giữa ba quyền lập pháp - hành pháp - tư pháp, tạo thành một cơ chế đồng bộ để đảm bảo chủ quyền nhân dân.
- Các quyền tự do dân chủ của con người được đảm bảo
- Nhà nước sống hoà đồng trong cộng đồng quốc tế

2. Những Nghị quyết Đại hội Đảng có liên quan:

- Đại hội Đảng lần thứ VIII tiếp tục khẳng định nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền trong thời kỳ đất nước ta đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá với tính cách là nhiệm vụ trung tâm.

Báo cáo chính trị của BCH trung ương Đảng Khoá VII tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã đưa ra 5 quan điểm, 4 nhiệm vụ, trong đó vẫn đặc biệt nhấn mạnh đến quan điểm tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt nam.

- Trang 131, Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX đã chỉ rõ: "*Nhà nước ta là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, là nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư*

pháp. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật. Mọi cơ quan, tổ chức, cán bộ công chức, mọi công dân có nghĩa vụ chấp hành Hiến Pháp và pháp luật"

3. Hoàn thiện Nhà nước và hệ thống pháp luật trong thời kỳ đổi mới:

Về vấn đề Nhà nước tập trung vào giải quyết **3 nhóm vấn đề lớn**:

Một là, duy trì và phát huy bản chất nhà nước ta là nhà nước của dân, do dân và vì dân.

Hai là, xây dựng nhà nước ta trong sạch, vững mạnh, để nâng cao hiệu quả hiệu lực điều hành của Nhà nước.

Ba là, giữ vững và nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước.

1. Cần thiết phải tạo được ý thức coi trọng pháp luật, trong quản lý xã hội, quản lý Nhà nước.

2. Xác định trách nhiệm qua lại giữa nhà nước và công dân

3. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của công dân, tất cả vì giá trị cao nhất của con người

4. Xây dựng một hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất.

5. Hoàn thiện công cuộc cải cách bộ máy Nhà nước

Tại sao việc xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt nam có tính tất yếu và là đòi hỏi khách quan?

Sở dĩ khi bước sang thời kỳ đổi mới, chúng ta đặt ra vấn đề này là vì lúc này chúng ta đã có những tiền đề và điều kiện để xây dựng nhà nước pháp quyền.

1. Xây dựng nhà nước pháp quyền là xu hướng chung của thời đại, của nhiều nước trên thế giới, bất luận là nhà nước nào muốn xây dựng nhà nước dân chủ và văn minh phải được xây dựng trên nền tảng và những tiêu chí của Nhà nước pháp quyền.

2. Xây dựng nhà nước pháp quyền là cơ sở mở rộng dân chủ.

3. Xây dựng nhà nước pháp quyền là cơ sở, phương hướng đúng đắn hoàn thiện hệ thống pháp luật, đảm bảo tính tối cao của Hiến pháp và các đạo luật.

4. Xây dựng nhà nước pháp quyền là con đường đúng đắn nhất trong việc cải cách bộ máy nhà nước.

Quan điểm của Đảng ta về xây dựng nhà nước pháp quyền:

Văn kiện đại hội Đảng VIII đặt ra 5 quan điểm, 4 nhiệm vụ

5 quan điểm:

1. Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nhà nước của dân, do dân và vì dân.

2. Quyền lực nhà nước là thống nhất, nhưng có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp, và tư pháp.

3. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ

4. Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam, quản lý xã hội bằng pháp luật kết hợp với đạo đức.

5. Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội.

4 nhiệm vụ

1. Đổi mới công tác lập pháp (làm luật và giám sát tối cao)

2. Tiếp tục cải cách nền hành chính quốc gia.

3. Cải cách tư pháp

4. Đẩy mạnh đấu tranh chống tham nhũng.

VẤN ĐỀ VII

TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC VIỆT NAM – LIÊN HỆ QUA CÁC BẢN HIẾN PHÁP

1. Bộ máy Nhà nước theo Hiến Pháp 1946:

ở Trung ương

Hoàn cảnh lịch sử:

- Cách mạng Tháng tám thắng lợi, lật đổ chế độ thực dân, giành độc lập dân tộc
- Mô hình xây dựng: **Dân chủ nhân dân**- mô hình nhà nước thuộc phạm trù xã hội chủ nghĩa ở cấp độ thấp.

<i>Nghị viện Nhân dân (Thực chất là Quốc hội)</i>	<i>Chính Phủ</i>	<i>Toà án nhân dân</i>	<i>Viện Kiểm Sát</i>
<ul style="list-style-type: none"> - Do hoàn cảnh kháng chiến, NVND đã không được thành lập. - NVND do nhân dân trực tiếp bầu ra. - Giải quyết những vấn đề chung và quan trọng của đất nước. - Nghị viện lập ra CP, thông qua Ban thường vụ để kiểm soát và phê bình Chính Phủ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Là cơ quan HC cao nhất của toàn quốc do Chủ tịch nước đứng đầu. - Thành phần CP gồm Chủ tịch nước, Phó CT nước, và nội các. - Chính phủ lúc này chưa hẳn là cơ quan chấp hành của Nghị Viện, ngược lại vai trò của Chủ tịch nước còn có quyền phủ quyết các Luật của Nghị viện (Điều 31), nhưng Nội các mất tín nhiệm phải từ chức.(Điều 54) 	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống TAND gồm có: + TAND tối cao + Các toà án phúc thẩm + Các toà án đệ nhị cấp và sơ cấp - Thẩm phán là do Chính Phủ bổ nhiệm: gồm có Thẩm phán xét xử và thẩm phán buộc tội. 	Chưa có Viện Kiểm Sát

ở địa phương

<i>Bộ (Bắc - Trung - Nam)</i>	<i>Tỉnh</i>	<i>Huyện</i>	<i>Xã</i>
UBHC	-HĐND -UBHC	- UBHC	- HĐND -UBHC

Nguyên tắc:

- Hội đồng Nhân dân do nhân dân bầu ra.
- Ủy ban Hành Chính do Hội đồng nhân dân bầu ra. (Cấp nào không có HĐND thì do HĐND cấp dưới bầu ra.)
- Ủy ban Hành chính có trách nhiệm thi hành mệnh lệnh của cấp trên, và các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

1. Bộ máy Nhà nước theo Hiến Pháp 1959:**Hoàn cảnh lịch sử:**

- Miền Bắc đã chuyển sang chế độ xã hội chủ nghĩa.
- Bộ máy Nhà nước được vận dụng theo nguyên tắc tập quyền xã hội chủ nghĩa một cách mạnh mẽ. Thể hiện ở việc các cơ quan đều do Quốc hội thành lập và chịu sự giám sát, trách nhiệm trước Quốc hội.
- Về cơ bản BMNN đã tuân theo mô hình XHCN, song vẫn còn yếu tố dân chủ nhân dân, thể hiện trong chế định Chủ tịch nước và Hội đồng Chính Phủ

Quốc hội	Chủ tịch nước	Hội đồng Chính Phủ	Toà án nhân dân	Viện Kiểm Sát
Quốc hội được xác định là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất	Không còn đồng thời là người đứng đầu Nhà nước, tuy nhiên vẫn nghiêng về Chính Phủ	Hội đồng Chính Phủ là cơ quan chấp hành của Quốc Hội, cơ quan hành chính cao nhất của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà	Toà án về cơ bản giống HP năm 1946	Viện Kiểm Sát nhân dân tối cao được Quốc hội lập ra để thực hiện quyền giám sát thực hành quyền công tố và quyền giám sát việc tuân theo pháp luật từ cấp Bộ trở xuống

ở địa phương:

Tất cả các cấp hành chính (tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương, huyện, khu phố, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, xã, thị trấn) đều thành lập Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

3. Bộ máy Nhà nước theo Hiến Pháp năm 1980:**ở trung ương****Điều kiện lịch sử:**

- Sau năm 1975, đất nước hoàn toàn giải phóng
- Bộ máy Nhà nước được thiết kế theo đúng mô hình XHCN thịnh hành bấy giờ.
- Nguyên tắc tập quyền xã hội chủ nghĩa được vận dụng một cách triệt để.

Quốc hội	Hội đồng Nhà nước	Hội đồng Bộ trưởng	Toà án Nhân dân	Viện Kiểm sát
Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất	- Là cơ quan cao nhất, hoạt động thường xuyên của Quốc hội - Là Chủ tịch tập thể của	- Là cơ quan chấp hành và hành chính Nhà nước cao nhất của cơ quan quyền lực nhà nước	Không có sự thay đổi căn bản so với HP 1959	Không có sự thay đổi căn bản so với HP 1959

	nước CHXHCNVN	cao nhất (<i>tính lệ thuộc</i>)		
--	------------------	---------------------------------------	--	--

ở địa phương:

- Chính quyền địa phương gồm có Hội đồng nhân dân và Ủy Ban nhân dân được thành lập ở tất cả các cấp.
- Thay đổi quan trọng nhất là có sự tăng cường vai trò của HĐND ở mỗi cấp. Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề xây dựng địa phương, bầu ra Ủy ban nhân dân.
- Vai trò của cơ quan hành chính cấp trên không rõ rệt, cụ thể là cơ quan hành chính cấp trên không có quyền điều động, cách chức, miễn nhiệm đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp dưới.

4. Bộ máy Nhà nước theo Hiến Pháp 1992:**Hoàn cảnh lịch sử:**

- Đại hội Đảng toàn quốc 1986 mở ra thời kỳ mới.
- Tiếp tục khẳng định quyền lực nhà nước là thống nhất, nhưng có sự phân công, phân nhiệm giữa lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Quốc hội	Chủ tịch nước	Chính Phủ	Toà án nhân dân	Viện kiểm sát nhân dân
Tập trung vào lập pháp và giám sát	Phân định rõ trách nhiệm của Chủ tịch nước và Ủy ban thường vụ Quốc hội	là cơ quan chấp hành của cơ quan quyền lực, song là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất	Tăng cường tính chuyên nghiệp, trách nhiệm cá nhân	Tăng cường tính chuyên nghiệp, trách nhiệm cá nhân

ở địa phương:

- Quy định rõ hơn mối liên hệ HĐND và UBND với cơ quan nhà nước cấp trên.
- Xác định rõ HĐND là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, vừa chịu sự hướng dẫn và giám sát của UBTVQH chịu sự hướng dẫn và kiểm tra của Chính Phủ.
- Xác định rõ quyền giám sát của Hội đồng nhân dân đối với Toà án nhân dân và Viện Kiểm Sát nhân dân cùng cấp.

VẤN ĐỀ VIII.

HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM VÀ VỊ TRÍ, VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

Hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa:

Là toàn bộ các thiết chế chính trị, chính trị - xã hội được thành lập, hoạt động trong mối liên hệ chặt chẽ mà vai trò lãnh đạo thuộc về Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động nhằm thực hiện triệt để quyền lực nhân dân, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

1. Hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa luôn đảm bảo tính thống nhất cao.
2. Hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa quán triệt ở mức độ cao nguyên tắc quyền lực nhân dân.
3. Tính tích cực chính trị cao của quần chúng lao động là một đặc trưng quan trọng của hệ thống chính trị.
4. Cả hệ thống chính trị và từng bộ phận hoàn thiện và phát triển vì mục tiêu, các giá trị của chủ nghĩa xã hội, trong đó nổi bật nhất là mục tiêu dân chủ và nhân đạo xã hội chủ nghĩa

Hiện nay, hệ thống chính trị nước ta bao gồm:

- Đảng Cộng sản Việt Nam
- Nhà nước
- Mặt trận tổ quốc và các tổ chức xã hội

Nhà nước trong hệ thống chính trị:

Nhà nước xã hội chủ nghĩa được xem như là trung tâm của hệ thống chính trị, là tổ chức đại diện chính thức cho ý chí và lợi ích của nhân dân.

Vị trí:

- + Nhà nước tác động và chi phối tới mọi tổ chức và cá nhân trong xã hội.
- + Mọi thiết chế quyền lực khác đều chỉ là lực lượng hỗ trợ cho nhà nước, trong việc thực hiện quyền lực nhân dân.

1. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là biểu hiện tập trung nhất của quyền lực nhân dân

Quyền lực nhân dân rất rộng rãi, bao hàm những đòi hỏi sau:

- Mọi công việc lớn, có ý nghĩa quan trọng đối với xã hội phải do nhân dân quyết định.
- Mọi thiết chế chính trị trong xã hội trực tiếp hay gián tiếp đều do nhân dân lập ra và phải chịu sự giám sát của nhân dân.
- Các thiết chế chính trị - xã hội này phải hoạt động nhằm mục đích thực hiện quyền lực nhân dân.
- Các cơ quan đại diện của nhân dân phải có vai trò quyết định. Điều này được quán triệt đối với bất cứ thiết chế chính trị xã hội nào.

2. Nhà nước là công cụ hữu hiệu nhất để thực hiện quyền lực nhân dân.

Vai trò to lớn của nhà nước trong việc thực hiện quyền lực nhân dân được quyết định bởi các lý do sau:

- Nhà nước xã hội chủ nghĩa có cơ sở rộng rãi là đại diện tập trung nhất cho các tầng lớp, các giai cấp chủ yếu trong xã hội, nhà nước xã hội chủ nghĩa có cơ sở xã hội rộng rãi.
- Nhà nước có trong tay sức mạnh cưỡng chế
 - + Hệ thống các lực lượng vũ trang, nhà tù, toà án mà không bất kỳ thiết chế chính trị nào khác có thể có được
 - + Hệ thống pháp luật do nhà nước xã hội chủ nghĩa là công cụ giúp nhà nước điều chỉnh các quan hệ xã hội theo những định hướng phù hợp với lợi ích của việc thực hiện quyền lực nhân dân thông qua sự tác động của các thành viên trong xã hội.
- Nhà nước có đầy đủ các phương tiện vật chất cần thiết để thực hiện vai trò của mình .
- Nhà nước là thiết chế duy nhất trong xã hội có chủ quyền.

VẤN ĐỀ IX

CÔNG CUỘC CẢI CÁCH BMNN

THỜI GIAN QUA THEO ĐỊNH HƯỚNG

XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN VIỆT NAM XHCN

Tại sao phải cải cách BMNN?(ngắn gọn)

- Tổ chức BMNN còn công kênh.
- Chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền
- Tiêu chuẩn cán bộ, công chức nhà nước chưa được xác định rõ ràng
- Hệ thống pháp luật thiếu hoàn chỉnh
- Tình trạng tham nhũng, quan liêu, cửa quyền, xa rời quần chúng vẫn còn

Từ bao giờ?

Hội nghị lần thứ tám ban chấp hành Trung ương Đảng khoá VII đã đưa ra những quan điểm chỉ đạo và những giải pháp nhằm xây dựng và kiện toàn bộ máy nhà nước, đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước.

Đại hội Đảng lần thứ VIII và IX tiếp tục khẳng định chủ trương và các biện pháp đã đề ra trong Nghị Quyết Trung Ương 8 (Khoá VII) và sau Đại hội VIII, tại hội nghị trung ương 3

Tinh thần của các Nghị quyết trên?

Để đáp ứng được đòi hỏi của thời kỳ mới, việc xây dựng và kiện toàn bộ máy nhà nước ta phải đáp ứng được những yêu cầu cơ bản là:

- Tiếp tục phát huy cao độ bản chất dân chủ, tạo điều kiện cho nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình thông qua các hình thức dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp, tham gia tích cực vào việc xây dựng và bảo vệ nhà nước, kiểm tra giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước và cán bộ, công chức nhà nước.
- Kiện toàn bộ máy trong sạch, vững mạnh, tinh giản, gọn nhẹ hoạt động có hiệu quả, hiệu lực; nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức nhà nước trước nhân dân,
- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

Công tác xây dựng và kiện toàn bộ máy nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay bao gồm những nội dung nào?(5 vấn đề)

Thứ nhất, Đổi mới, kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của **Quốc hội**, để Quốc hội thực sự là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, có khả năng thực hiện có kết quả cao nhất chức năng lập pháp, quyết định ngân sách nhà nước và thực hiện quyền giám sát tối cao. Quốc hội phải cơ cấu, tổ chức hợp lý và đội ngũ đại biểu Quốc hội có đủ tiêu chuẩn là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân. Đồng thời phải củng cố các hội đồng nhân dân, để hội đồng nhân dân làm đúng chức năng nhiệm vụ luật định

Thứ hai, Cải cách nền hành chính nhà nước, xây dựng một **hệ thống các cơ quan quản lý** thống nhất, thông suốt, có hiệu lực và hiệu quả đủ năng lực thực thi các nhiệm vụ trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại.

Tiến hành sắp xếp tổ chức, phân định rõ chức năng, thẩm quyền giữa các cấp, thực hiện nguyên tắc kết hợp quản lý ngành và quản lý theo lãnh thổ Tăng cường công tác tổ chức và hoạt động thanh tra; kiện toàn tổ chức chính quyền địa phương, xây dựng đội ngũ cán bộ công chức có đủ năng lực, phẩm chất hoàn thành công việc trong bộ máy nhà nước

Thứ ba, đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống cơ quan tư pháp, cải tiến tổ chức và đổi mới hoạt động của hệ thống cơ quan tòa án theo hướng hai cấp xét xử; củng cố và kiện toàn hệ thống cơ quan kiểm sát; sắp xếp lại hệ thống cơ quan điều tra theo hướng tinh gọn, giảm bớt đầu mối; kiện toàn các tổ chức thi hành án; củng cố các tổ chức hỗ trợ tư pháp...

Thứ tư, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của Bộ máy nhà nước nhằm giữ vững bản chất của nhà nước, đảm bảo quyền lực nhân dân, đưa công cuộc đổi mới đi đúng hướng xã hội chủ nghĩa. Đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với bộ máy nhà nước, bảo đảm chất lượng công tác lãnh đạo của Đảng đồng thời phát huy trách nhiệm, tính chủ động cao trong quản lý điều hành bộ máy nhà nước.

Thứ năm, tiến hành kiên quyết và thường xuyên cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, xử lý nghiêm minh những người vi phạm pháp luật đồng thời tăng cường công tác xây dựng pháp luật, giáo dục ý thức pháp luật và củng cố kỷ luật trong nội bộ cơ quan nhà nước.

Cần phải đổi mới như thế nào để đạt được mục đích?

Thứ nhất, cần làm rõ các căn cứ khách quan của nhu cầu cải cách mạnh mẽ bộ máy nhà nước ta khi bước vào thế kỷ 21

Thứ hai, Cần thiết phải đi sâu nghiên cứu về các nguyên nhân dẫn đến tình trạng kém hiệu quả, hiệu lực của bộ máy nhà nước đã được nghiên cứu, triển khai thực hiện trong mấy năm qua,

Thứ ba, Nghiên cứu lý luận về tổ chức bộ máy nhà nước trong điều kiện thực tiễn nước ta cần hướng vào mục đích xây dựng một hệ các quan điểm lý luận về mô hình tổ chức bộ máy nhà nước

Thứ tư, tìm ra giải pháp khoa học để hoàn thiện từng thiết chế quyền lực nhà nước cụ thể, như Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính Phủ và các cơ quan thực hiện quyền tư pháp.

Quan điểm cải cách bộ máy nhà nước trong Văn kiện Đại hội IX của Đảng và NQ về sửa đổi Hiến pháp 1992? (Liên hệ...)

- Đối với Quốc hội:

Văn kiện Đại hội IX của Đảng

- Tăng cường công tác lập pháp, xây dựng chương trình dài hạn về lập pháp, hoàn thiện hệ thống pháp luật, đổi mới qui trình ban hành và hướng dẫn thi hành luật.

- Quốc hội làm tốt chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, quyết định và phân bổ ngân sách nhà nước, trước mắt tập trung vào những vấn đề bức xúc như sử dụng vốn và tài sản nhà nước, chống tham nhũng quan liêu.

Sửa đổi Hiến Pháp:**Về Quốc hội:**

Hiến pháp 1992	Sửa đổi Các điểm 4, 5, 7 và 13 Điều 84 được sửa đổi, bổ sung như sau:
<p>"4- Quyết định chính sách tài chính, tiền tệ quốc gia; quyết định dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách <i>Nhà nước</i>, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế;"</p> <p>"5- Quyết định chính sách dân tộc;"</p> <p>"7- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội và các ủy viên ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; phê chuẩn đề nghị của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ; phê chuẩn đề nghị của Chủ tịch nước về danh sách thành viên Hội đồng quốc phòng và an ninh;"</p> <p>13- Quyết định chính sách cơ bản về đối ngoại; phê chuẩn hoặc bãi bỏ điều ước quốc tế do <i>Chủ tịch nước</i> đã ký kết hoặc tham gia theo đề nghị của <i>Chủ tịch nước</i></p>	<p>"4- Quyết định chính sách tài chính, tiền tệ quốc gia; quyết định dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách <i>Trung ương</i>, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế;"</p> <p>"5- Quyết định chính sách dân tộc, <i>chính sách tôn giáo của Nhà nước;</i>"</p> <p>"7- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội và các ủy viên ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; phê chuẩn đề nghị của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ; phê chuẩn đề nghị của Chủ tịch nước về danh sách thành viên Hội đồng quốc phòng và an ninh; <i>bỏ phiếu tín nhiệm đối với những người giữ các chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn;</i>"</p> <p>13- Quyết định chính sách cơ bản về đối ngoại; <i>phê chuẩn hoặc bãi bỏ điều ước quốc tế do Chủ tịch nước trực tiếp ký; phê chuẩn hoặc bãi bỏ các điều ước quốc tế khác đã được ký kết hoặc gia nhập theo đề nghị của Chủ tịch nước</i></p>

2. Về Chủ tịch nước

Hiến pháp 1992	Sửa đổi Các điểm 4, 6, 7, 9 và 10 Điều 103 được sửa đổi, bổ sung như sau:
<p>4- <i>Căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội hoặc của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ;</i>"</p> <p>"6- Căn cứ vào nghị quyết của ủy ban Thường vụ Quốc hội, ra lệnh tổng động viên hoặc động viên cục bộ, công bố tình trạng khẩn cấp; <i>ban bố tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương;</i>"</p> <p>"7- Đề nghị ủy ban Thường vụ Quốc hội <i>xem xét lại pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về các vấn đề qui định tại điểm 8 và 9 Điều 91 trong thời hạn mười ngày kể từ ngày pháp lệnh được thông qua; nếu pháp lệnh đó vẫn được ủy ban Thường vụ Quốc hội biểu quyết tán thành mà Chủ tịch nước vẫn không nhất trí, thì Chủ tịch nước trình Quốc hội quyết định tại kỳ họp gần nhất;</i>"</p> <p>"9- Quyết định phong hàm, cấp sĩ quan cấp cao trong các lực lượng vũ trang nhân dân, hàm, cấp ngoại giao, những hàm, cấp nhà nước trong các lĩnh vực khác; quyết định tặng thưởng huân chương, huy chương, danh hiệu vinh dự nhà nước;"</p> <p>"10- Cử, triệu hồi đại sứ đặc mệnh toàn quyền của Việt Nam; tiếp nhận đại sứ đặc mệnh toàn quyền của nước ngoài; tiến hành đàm phán, ký kết điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với người đứng đầu Nhà nước khác; quyết định phê chuẩn hoặc gia nhập điều ước quốc tế, trừ trường hợp cần trình Quốc hội quyết định</p>	<p>4- Căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ;"</p> <p>"6- Căn cứ vào nghị quyết của ủy ban Thường vụ Quốc hội, ra lệnh tổng động viên hoặc động viên cục bộ, công bố tình trạng khẩn cấp; trong trường hợp ủy ban Thường vụ Quốc hội không thể họp được, ban bố tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương;"</p> <p>"7- Đề nghị ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét lại pháp lệnh trong thời hạn mười ngày kể từ ngày pháp lệnh được thông qua; nếu pháp lệnh đó vẫn được ủy ban Thường vụ Quốc hội biểu quyết tán thành mà Chủ tịch nước vẫn không nhất trí, thì Chủ tịch nước trình Quốc hội quyết định tại kỳ họp gần nhất;"</p> <p>"9- Quyết định phong hàm, cấp sĩ quan cấp cao trong các lực lượng vũ trang nhân dân, hàm, cấp đại sứ, những hàm, cấp nhà nước trong các lĩnh vực khác; quyết định tặng thưởng huân chương, huy chương, giải thưởng nhà nước và danh hiệu vinh dự nhà nước;"</p> <p>"10- Cử, triệu hồi đại sứ đặc mệnh toàn quyền của Việt Nam; tiếp nhận đại sứ đặc mệnh toàn quyền của nước ngoài; tiến hành đàm phán, ký kết điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với người đứng đầu Nhà nước khác; trình Quốc hội phê chuẩn điều ước quốc tế đã trực tiếp ký; quyết định phê chuẩn hoặc gia nhập điều ước quốc tế, trừ</p>

	trường hợp cần trình Quốc hội quyết định
--	--

3. Về Chính phủ:

Nghị quyết Đại hội Đảng IX về hoạt động của Chính Phủ: "*Phân công, phân cấp, nâng cao tính chủ động của chính quyền địa phương, kết hợp chặt chẽ quản lý ngành và quản lý lãnh thổ, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ*" tr. 133

Hiến pháp 1992	Sửa đổi Điểm 8 Điều 112 được sửa đổi, bổ sung như sau:
8- Thống nhất quản lý công tác đối ngoại của Nhà nước; đàm phán, ký, phê duyệt, gia nhập điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ; chỉ đạo việc thực hiện các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, lợi ích chính đáng của tổ chức và công dân Việt Nam ở nước ngoài;	8- Thống nhất quản lý công tác đối ngoại; đàm phán, ký kết điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trừ trường hợp quy định tại điểm 10 Điều 103 ; đàm phán, ký, phê duyệt, gia nhập điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ; chỉ đạo việc thực hiện các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, lợi ích chính đáng của tổ chức và công dân Việt Nam ở nước ngoài;

4. Về Toà án và Viện kiểm sát nhân dân:

Toà án: "Sắp xếp lại hệ thống Toà án nhân dân, phân định hợp lý thẩm quyền của Toà án các cấp. **Tăng cường đội ngũ thẩm phán và hội thẩm nhân dân cả về số lượng và chất lượng**" Tr. 134

"Tổ chức lại cơ quan điều tra và cơ quan thi hành án theo nguyên tắc gọn đầu mối, **thành lập cảnh sát tư pháp**" tr. 135

Viện Kiểm sát:

" VKSND thực hiện tốt chức năng công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp" tr.133

Hiến pháp 1992	Sửa đổi
"Điều 137 <i>Viện kiểm sát nhân dân tối cao kiểm sát việc tuân theo pháp luật của các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, các cơ quan khác thuộc Chính phủ, các cơ quan chính quyền địa phương, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân, thực hành quyền công tố góp phần bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.</i> Các Viện kiểm sát nhân dân địa phương, các Viện kiểm sát quân sự thực hành quyền công tố và kiểm sát các	"Điều 137 Viện kiểm sát nhân dân tối cao thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp , góp phần bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất. Các Viện kiểm sát nhân dân địa phương, các Viện kiểm sát quân sự thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong phạm vi trách nhiệm do luật định

<p>hoạt động tư pháp trong phạm vi trách nhiệm do luật định."</p> <p>Điều 140</p> <p>Viện trưởng các Viện kiểm sát nhân dân địa phương chịu trách nhiệm báo cáo trước Hội đồng nhân dân về tình hình thi hành pháp luật ở địa phương và trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân</p>	<p>Điều 140</p> <p>Viện trưởng các Viện kiểm sát nhân dân địa phương chịu trách nhiệm báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân và trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân</p>
--	--

VẤN ĐỀ X.

CÁC CHỨC NĂNG CƠ BẢN CỦA NHÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM HIỆN NAY

Chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa là những phương diện hoạt động cơ bản của nhà nước thể hiện bản chất giai cấp, ý nghĩa xã hội, mục đích và nhiệm vụ của nhà nước trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Cần phân biệt chức năng và nhiệm vụ của nhà nước:
- Phân biệt chức năng của nhà nước và chức năng của các cơ quan nhà nước (tự phân tích)

Một số chức năng cơ bản:

Chức năng kinh tế và chức năng xã hội

1. Mở bài và nêu khái niệm chức năng của Nhà nước XHCN?, chức năng kinh tế và chức năng xã hội.

2. Phân tích:

2.1. Chức năng kinh tế:

- Trình bày ngắn gọn sự khác nhau chức năng kinh tế nhà nước ta hiện nay và chức năng của nhà nước thời kỳ bao cấp.

ý 1. Nhà nước hạn chế và kiểm soát các nhân tố gây mất ổn định như lạm phát, thất nghiệp, độc quyền cạnh tranh không lành mạnh...VD: *Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao.*

ý 2. Nhà nước ổn định chính sách kinh tế vĩ mô bằng việc cân đối thu chi ngân sách, cân đối cán cân thanh toán, cân đối giữa tích lũy và tiêu dùng. VD: *Luật thuế giá trị gia tăng, Luật ngân sách nhà nước, Luật các tổ chức tín dụng...*

ý 3. Nhà nước định hướng các thành phần kinh tế đi vào đúng quỹ đạo, đảm bảo vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể. VD: *Khuyến khích đầu tư vào các vùng địa bàn khó khăn bằng ưu đãi thuế (Điều 6. Luật ĐTNN), VD: cung cấp thông tin, hỗ trợ tài chính (Hình thức ngân hàng hỗ trợ người nghèo, tư vấn pháp luật...)*

ý 4. Nhà nước có các qui định cụ thể tạo lập hành lang pháp lý và sự an toàn pháp lý. VD: *Bảo vệ sản xuất trong nước. (Luật khuyến khích đầu tư trong nước), chống làm hàng giả, buôn lậu, cạnh tranh không lành mạnh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng v.v...*

2.2. Chức năng xã hội:

Nhà nước giải quyết các vấn đề xã hội theo **tinh thần xã hội hoá**. Nhà nước giữ vai trò nòng cốt, đồng thời có sự tham gia của mọi người dân, mọi tổ chức xã hội...

- Giáo dục? Mục đích? VD: Luật giáo dục, Luật phổ cập giáo dục tiểu học, Luật bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em...
- Khoa học và công nghệ? VD: Luật khoa học và công nghệ.
- Bảo vệ sức khoẻ nhân dân? Luật bảo vệ sức khoẻ nhân dân.
- Người có công? người tàn tật? vấn đề lao động, việc làm? vấn đề tệ nạn xã hội? VD: Pháp lệnh đối với người có công, Luật công đoàn, Bộ luật lao động
- Bảo vệ những giá trị truyền thống, nền tảng đạo đức. VD: Luật di sản văn hoá...

PHẦN II.

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT

VẤN ĐỀ XI.

SỰ HÌNH THÀNH, BẢN CHẤT; GIÁ TRỊ XÃ HỘI CỦA PHÁP LUẬT; CÁC THUỘC TÍNH CƠ BẢN CỦA PHÁP LUẬT

Sự hình thành: (Đọc thêm)

Bản chất:

Bản chất của pháp luật được thể hiện ở tính giai cấp của nó:

Thứ nhất, Pháp luật phản ánh *ý chí của giai cấp thống trị*

Thứ hai, Pháp luật được qui định bởi điều kiện sinh hoạt vật chất của giai cấp thống trị

Thứ ba, giai cấp thống trị thông qua Nhà nước và pháp luật để thể hiện ý chí giai cấp của mình.

Thứ tư, ý chí giai cấp thống trị được cụ thể hoá trong các văn bản pháp luật do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Thứ năm, thể hiện ở mục đích điều chỉnh các quan hệ xã hội, quan hệ giai cấp. VD: Pháp luật chủ nô, pháp luật tư sản

Bản chất của pháp luật xã hội chủ nghĩa:

- Pháp luật xã hội chủ nghĩa là một hệ thống quy tắc xử sự có tính thống nhất nội tại cao.

- Pháp luật XHCN mang tính đồng bộ, vì các qui phạm dù khác nhau đến mấy nhưng vẫn có chung một bản chất.
- Pháp luật xã hội chủ nghĩa có tính thống nhất cao hơn bất kỳ một kiểu pháp luật nào khác vì nó được xây dựng trên cơ sở của quan hệ kinh tế xã hội chủ nghĩa định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Pháp luật xã hội chủ nghĩa thể hiện ý chí của giai cấp công nhân và đông đảo nhân dân lao động .

- Pháp luật vì thể hiện ý chí của số đông nên dễ được đông đảo quần chúng tôn trọng và thực hiện một cách đầy đủ và tự giác.
- Tuy nhiên, pháp luật không phải là một đại lượng có thể điều chỉnh tất cả mọi mặt, mọi lĩnh vực, mọi quá trình của đời sống xã hội, mà trong đó lợi ích của các tầng lớp xã hội khác nhau, chưa thống nhất.

- Pháp luật xã hội chủ nghĩa do nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhà nước dân chủ, thể hiện quyền lực của đông đảo nhân dân lao động ban hành và bảo đảm thực hiện.

- Trong xã hội có nhiều hệ thống qui phạm khác nhau, nhưng chỉ có một hệ thống pháp luật duy nhất.
 - Bên cạnh biện pháp cưỡng chế thường được kết hợp với các biện pháp giáo dục, thuyết phục.
- Pháp luật xã hội chủ nghĩa có quan hệ chặt chẽ với chế độ kinh tế xã hội chủ nghĩa.
- Kinh tế giữ vai trò quyết định đối với pháp luật.
 - Mọi sự thay đổi về kinh tế đều dẫn đến sự thay đổi về pháp luật.
 - Theo nguyên lý chung, pháp luật không thể cao hơn hoặc thấp hơn trình độ phát triển của kinh tế xã hội.
 - Trong giai đoạn hiện nay việc xác định đúng hướng phát triển tiếp theo để xây dựng một hệ thống pháp luật đồng bộ, phù hợp là vấn đề có ý nghĩa hết sức quan trọng cả về lý luận và thực tiễn.
- Pháp luật xã hội chủ nghĩa có quan hệ mật thiết với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng cộng sản
- Đường lối chính sách của Đảng chỉ đạo phương hướng xây dựng pháp luật, chỉ đạo nội dung pháp luật và chỉ đạo việc tổ chức thực hiện và áp dụng pháp luật.
 - Thực tiễn cho thấy, sử dụng tốt công cụ pháp luật thì đường lối, chính sách của Đảng cũng sẽ nhanh chóng đi vào cuộc sống. Cần tránh khuynh hướng pháp luật thuần túy, khi xây dựng và thực hiện pháp luật không dựa trên đường lối chính sách của Đảng, hoặc dùng đường lối chính sách của Đảng để thay thế cho pháp luật, hạ thấp vai trò của pháp luật.
- Pháp luật xã hội chủ nghĩa có quan hệ chặt chẽ với qui phạm xã hội khác trong chủ nghĩa xã hội
- Đạo đức là những quan điểm, quan niệm của con người về cái thiện, cái ác, cái tốt, cái xấu.
 - Tập quán cũng là một loại qui phạm xã hội mang tính đạo đức, được bảo đảm bằng sức mạnh dư luận xã hội.
 - Qui phạm do các tổ chức xã hội đề ra

Giá trị xã hội của pháp luật:

Qui phạm pháp luật xét cho cùng là sự ghi nhận cách xử sự hợp lý, được đa số cá nhân trong xã hội thừa nhận, phù hợp với số đông.

- QPPL là thước đo hành vi của con người, là công cụ kiểm nghiệm các quá trình, các hiện tượng xã hội
- QPPL là công cụ để nhận thức xã hội, điều chỉnh các quá trình xã hội
- QPPL còn mang tính dân tộc, tính mở của Pháp luật
 - + Pháp luật muốn được người dân công nhận, phải xây dựng trên nền tảng dân tộc, thấm nhuần tính dân tộc.
 - + Phải phản ánh những phong tục, tập quán, đặc điểm lịch sử, điều kiện địa lý, trình độ văn minh, văn hoá.
 - + Pháp luật sẵn sàng tiếp thu những thành tựu của nền văn minh, văn hoá pháp lý của nhân loại.

Các thuộc tính của pháp luật;

Thuộc tính? Là những tính chất, dấu hiệu riêng có của sự vật hiện tượng.

Thuộc tính của pháp luật? Là những tính chất, dấu hiệu riêng biệt, đặc trưng của pháp luật, phân biệt pháp luật với các hiện tượng thuộc kiến trúc thượng tầng khác.

Pháp luật có 3 thuộc tính:

+ Tính qui phạm phổ biến:

Qui phạm là tế bào của pháp luật, qui phạm chứa đựng những thuộc tính, khuôn mẫu, mô hình xử sự chung được xã hội thừa nhận.

- Pháp luật điều chỉnh 1 phạm vi quan hệ xã hội nhất định
- QPPL được áp dụng nhiều lần, chỉ bị điều chỉnh khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền huỷ bỏ, sửa đổi, bổ sung.
- Tính phổ biến của pháp luật dựa trên ý chí Nhà nước được đề lên thành luật.

+ Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức:

- Nội dung của nó được xác định một cách rõ ràng, chặt chẽ đảm bảo nguyên tắc: "Bất cứ ai được đặt vào trong những điều kiện ấy cũng không thể làm khác được"

- Nội dung của pháp luật phải được qui định một cách rõ ràng, chặt chẽ, khách quan (Điều luật, văn bản pháp luật, hệ thống pháp luật)
- Nếu qui phạm pháp luật không đầy đủ, không rõ ràng, chính xác sẽ tạo khe hở cho sự chuyên quyền, lạm dụng, tham nhũng...

+ Tính được đảm bảo bằng Nhà nước.

1. Khả năng tổ chức thực hiện của Nhà nước là phương pháp thuyết phục.
2. Chính sách Nhà nước đảm bảo cho tính hợp lý và uy tín của nội dung qui phạm pháp luật, nhờ đó, nó có khả năng được thực hiện trong cuộc sống.

Vai trò của pháp luật xã hội chủ nghĩa:

1. Pháp luật là cơ sở để xây dựng và hoàn thiện bộ máy Nhà nước XHCN:

- Bộ máy nhà nước là một thiết chế phức tạp gồm nhiều bộ phận. Để bộ máy đó hoạt động có hiệu quả cần phải xác định rõ chức năng, thẩm quyền, trách nhiệm của mỗi loại cơ quan, và mối quan hệ giữa các cơ quan đó, tạo thành cơ chế đồng bộ trong quá trình thiết lập và thực hiện quyền lực nhà nước.

- Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, VIII và IX đặt ra mục tiêu: "*Tiếp tục cải cách bộ máy nhà nước...thực hiện thống nhất quyền lực nhà nước, trên cơ sở phân công, phân cấp rành mạch, bộ máy tinh giản, gọn nhẹ và hoạt động có chất lượng*"

2. Pháp luật bảo đảm cho việc thực hiện có hiệu quả chức năng tổ chức và quản lý kinh tế, xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội..

- Vai trò của pháp luật trong lĩnh vực kinh tế có phạm vi rộng và phức tạp, Pháp luật cần tạo ra nhiều chính sách có tính chất "đòn bẩy", một mặt hạn chế được những mặt trái, khuyết tật của nền kinh tế thị trường, mặt khác điều hành nền kinh tế ở tầm vĩ mô, để hoạt động kinh tế đi vào đúng hướng nhưng vẫn tăng cường hiệu quả và phát huy sức mạnh của từng thành phần kinh tế và của cả nền kinh tế.

- Từ sau Đại hội VI, nhiều văn bản pháp luật kinh tế được ban hành kịp thời phù hợp với tình hình mới đã có tác dụng tăng cường hiệu lực của nhà nước, thúc đẩy sự phát triển của kinh tế. mang lại những thành tựu bước đầu quan trọng.

- Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII đã xác định: "*Cơ chế vận hành nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa là cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác*"

- Đại hội VIII, trên cơ sở tổng kết 10 năm đổi mới đã khẳng định một số nhận thức về cơ chế quản lý mới, đồng thời nhấn mạnh, phải tiếp tục "hoàn chỉnh hệ thống pháp luật về kinh tế...hình thành khuôn khổ pháp lý đồng bộ, cần thiết, cho các hoạt động kinh tế."

3. Pháp luật bảo đảm thực hiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền lực nhân dân, bảo đảm công bằng xã hội.

- Quyền tự do dân chủ của công dân càng ngày càng phải được mở rộng, và được qui định cụ thể bằng pháp luật, cũng như những nghĩa vụ mà công dân phải làm.

- Thể hiện tính dân chủ trước hết là ở sự củng cố và hoàn thiện hệ thống chính trị cần thiết, phải xác định rõ cơ cấu, tổ chức, vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của mỗi tổ chức trong hệ thống chính trị.

- Đại hội lần thứ VII của Đảng đã khẳng định: "*thực hiện nền dân chủ XHCN là thực chất của việc đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị... điều kiện quan trọng để phát huy dân chủ là hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, nâng cao dân trí, trình độ hiểu biết pháp luật và ý thức tuân thủ pháp luật của nhân dân ta.*

- Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VIII, đặc biệt Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ ba (Khoá VIII) đã nhấn mạnh phải giải quyết tốt mối quan hệ giữa dân chủ và pháp luật: "*Mở rộng dân chủ phải đi đôi với tăng cường kỷ luật, kỷ cương; quyền lợi đi đôi với trách nhiệm, nghĩa vụ, dân chủ phải được thể chế hoá thành pháp luật, dân chủ trong khuôn khổ của pháp luật; khắc phục tình trạng vô kỷ luật, dân chủ cực đoan...*"

4. Pháp luật là cơ sở để giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Pháp luật là công cụ để cưỡng chế các hành vi vi phạm pháp luật, gây mất ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, tập thể và của công dân.

5. Pháp luật có vai trò giáo dục mạnh mẽ:

- Pháp luật trở thành khuôn mẫu cho mọi hành vi của các chủ thể, bản thân nó đã chứa đựng yếu tố công bằng, răn đe, trở thành một chuẩn mực của xã hội, được xã hội thừa nhận.

- Hình thức khen thưởng, khuyến khích vật chất, tinh thần...

6. Pháp luật xã hội chủ nghĩa góp phần tạo dựng những quan hệ mới:

- Dựa trên cơ sở của những kết quả và dự báo khoa học, người ta có thể dự kiến người ta có thể dự kiến những biến đổi có thể diễn ra với những tình huống cụ thể, cần tới sự điều chỉnh của pháp luật. VD: Khi thương mại điện tử phát triển nảy sinh tính phức tạp và thiếu căn cứ pháp lý khi xác định việc mua bán trên mạng, vấn đề cần bảo vệ quyền và lợi ích pháp của các bên lại được đặt ra.

7. Pháp luật tạo ra môi trường ổn định cho việc thiết lập các mối quan hệ hợp tác và phát triển

- Pháp luật cần phải tiến tới sự hoàn thiện, phù hợp với xu hướng phát triển chung của tình hình quốc tế và khu vực.

VẤN ĐỀ XII

HÌNH THỨC, CHỨC NĂNG VÀ CÁC MỐI LIÊN HỆ PHỔ BIẾN CỦA PHÁP LUẬT

1. Hình thức của pháp luật

- Hình thức của pháp luật dùng để chỉ ranh giới tồn tại của pháp luật trong hệ thống các quy phạm xã hội, là sự biểu hiện ra bên ngoài của pháp luật, đồng thời đó cũng là phương thức tồn tại, dạng tồn tại thực tế của pháp luật

Hình thức bên trong gồm có:

- Nguyên tắc phổ biến của pháp luật

- Hệ thống pháp luật
- Ngành luật
- Chế định pháp luật
- Quy phạm pháp luật

Hình thức bên ngoài (hay còn gọi là nguồn của pháp luật) bao gồm:

- Tập quán pháp
- Tiền lệ pháp
- Văn bản quy phạm pháp luật
- Những qui định của luật tôn giáo
- Học thuyết khoa học pháp lý

Chức năng của pháp luật là những mặt, phương diện hoạt động chủ yếu của pháp luật, thể hiện bản chất và giá trị xã hội của pháp luật.

Pháp luật có hai chức năng chủ yếu:

- Chức năng điều chỉnh
- Chức năng tác động vào ý thức con người (hay còn gọi là chức năng giáo dục của pháp luật)

Các mối liên hệ phổ biến của pháp luật:

Pháp luật và kinh tế:

- Pháp luật là yếu tố thuộc kiến trúc thượng tầng, sinh ra trên cơ sở hạ tầng và do cơ sở hạ tầng qui định

Sự phụ thuộc thể hiện ở chỗ:

- Cơ cấu kinh tế, hệ thống kinh tế quyết định cơ cấu của hệ thống pháp luật.
- Tính chất của các quan hệ kinh tế, cơ chế kinh tế quyết định tính chất của các quan hệ pháp luật, mức độ phương pháp điều chỉnh pháp luật
- Các tổ chức thiết chế pháp lý (lập pháp, hành pháp, tư pháp) chịu ảnh hưởng từ phía chế độ kinh tế

Pháp luật không phản ánh một cách thụ động các quan hệ kinh tế mà tác động trở lại đối với kinh tế:

Pháp luật tác động tích cực sẽ thúc đẩy kinh tế phát triển VD: Trước ngăn sông cấm chợ, nay mở rộng đa dạng hoá các loại hình kinh doanh, tự do cạnh tranh, chống cạnh tranh không lành mạnh, khuyến khích làm giàu hợp pháp v.v..

Pháp luật không phù hợp với các qui luật kinh tế xã hội, sẽ kìm hãm sự phát triển của kinh tế xã hội. VD: Thời kỳ bao cấp....

Pháp luật kích thích kinh tế phát triển ở một số mặt nhưng lại kìm hãm sự phát triển của nó trong một số mặt khác. VD: Pháp luật trong thời kỳ quá độ, trong những bước chuyển.

Pháp luật và chính trị:

Trước hết trình bày khái niệm chính trị là gì? và phân tích

Pháp luật phản ánh kinh tế không phải một cách trực tiếp mà thông qua chính trị. Chính trị là biểu hiện tập trung của kinh tế, trong mối quan hệ qua lại giữa các tầng lớp, giai cấp, dân tộc, trong hoạt động của nhà nước.

Trong mối liên hệ giữa pháp luật và chính trị thì pháp luật vừa là biện pháp, phương tiện để thực hiện chính trị của giai cấp cầm quyền, vừa là hình thức biểu hiện của chính trị, ghi nhận yêu cầu, nội dung chính trị của giai cấp cầm quyền.

- Thể hiện ở mối liên hệ giữa đường lối chính sách của Đảng cầm quyền và pháp luật của nhà nước.

- Trong khi thể hiện ý chí của giai cấp cầm quyền, pháp luật còn chịu ảnh hưởng nhất định của đường lối chính trị của các giai cấp và tầng lớp khác trong xã hội.

Pháp luật với đạo đức:

Đạo đức là gì? Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, là tổng hợp những qui tắc, chuẩn mực nhằm hướng con người tới chân, thiện, mỹ chống lại cái xấu, cái ác.

Giống nhau: Pháp luật và đạo đức đều là một hình thái ý thức xã hội thuộc kiến trúc thượng tầng, cùng điều chỉnh hành vi của xã hội, mang tính giai cấp, tính dân tộc và tính thời đại.

Khác nhau:

Về nguồn gốc:

- Đạo đức xuất hiện trước pháp luật, bảo vệ bằng dư luận xã hội, các điều cấm kỵ, các lễ nghi tôn giáo nguyên thủy.
- Pháp luật xuất hiện muộn hơn.

Về xu hướng vận động:

- Pháp luật luôn luôn được sửa đổi, bổ sung.
- Đạo đức luôn có sự đánh giá, sàng lọc, tẩy chay của dư luận xã hội.

Về phạm vi điều chỉnh:

- Pháp luật điều chỉnh những quan hệ xã hội cơ bản, quan trọng, mang ý nghĩa quốc gia. VD: Qui định, trình tự thủ tục
- Đạo đức có thể điều chỉnh những gì không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật. VD: Tình bạn, tình yêu giúp đỡ nhau thường ngày.

Về hình thức, mức độ thể hiện:

- Đạo đức thường được thể hiện qua ca dao, tục ngữ, thông qua cảm xúc, quan niệm, chuẩn mực là cái tâm ở đời.
- Pháp luật được qui định bằng điều tiết v.v...

Phương pháp bảo đảm thực hiện:

Đạo đức là kích thích nội tâm, dựa vào sức mạnh bên ngoài – dư luận xã hội để điều chỉnh.

Pháp luật dựa vào thời hiệu, các biện pháp cưỡng chế NN

Pháp luật và phong tục, tập quán:

- Pháp luật tiến bộ sẽ ảnh hưởng tích cực đến tập quán. Ngược lại pháp luật lạc hậu sẽ ảnh hưởng xấu đến tập quán.
- Những qui tắc tập quán tốt đẹp có giá trị chung đa phần được ban hành thành qui phạm pháp luật.
- Qui phạm của các tổ chức xã hội phải phù hợp và không được trái với pháp luật vì pháp luật mang ý chí chung của nhà nước.

VD: Tập quán tốt đẹp: tự do kết hôn, trách nhiệm của cha mẹ, con cái ; tôn ti trật tự trong gia đình. Tập quán nuôi con nuôi, nhận con nuôi, nhận trẻ mồ côi.

Tập quán lạc hậu: kết hôn trước tuổi, mê tín dị đoan, theo mẫu hệ, phụ hệ gia trưởng, đa thê, phạt vợ khi vợ, chồng ly hôn v.v...

VẤN ĐỀ XIII

BẢN CHẤT VÀ CÁC ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Bản chất và đặc điểm:

1. Pháp luật xã hội chủ nghĩa mang tính nhân dân sâu sắc
2. Pháp luật xã hội chủ nghĩa khẳng định đường lối phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa
3. Pháp luật tuy mang tính cưỡng chế, nhưng tính cưỡng chế đó đã chứa đựng những nội dung mới khác với các kiểu pháp luật bóc lột.
4. Pháp luật xã hội chủ nghĩa có phạm vi điều chỉnh rộng
5. Pháp luật xã hội chủ nghĩa liên hệ mật thiết với các qui phạm xã hội khác, đặc biệt là các qui tắc đạo đức, tập quán và các qui phạm của tổ chức xã hội.

VẤN ĐỀ XIV

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TRẠNG CỦA HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG ĐIỀU KIỆN HIỆN NAY.² PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN, CÁC XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CƠ BẢN CỦA PHÁP LUẬT NƯỚC TA

V n b~n qui ph> m ph> p lu> t l—h> nh th> c th> h i~ n c&A c> c> quy> t~ -> nh ph> p lu> t do c> ” quan nh—n• &A c&A th&A m quy> n ban h—nh theo tr> nh t> i v—d• &A i h> nh th> c nh&O -> nh, c&A ch> e -&I ng c> c qui t> y c x&A s> i chung nh&am -&iou ch> nh m&A t lo> i quan h~ x™ h&A i nh&O -> nh, -&A &A s> p d&A ng nhi&ou l&A n, trong th> i c t&A m -&i> i s&A ng v—v&A i c th> i c h&A i~ n v n b~n kh“ng l—m ch&O m d&A t h&A i~ u l&A i c c&A n&A .

Von b&E n qui ph&E m ph&A p lu&A t do c&E quan nh&U n&O c c&E th&A m quy&A n ban h&U h.

+ Kh&A ng ph&E m&E i m&E i VBPL Q&u IU VBQPPL, ngo&U ra c&A n c&E VBCB, VBC> .

+ > &O u c th&A t h&A i&A n theo m&E t tr&A h t&A o lu&A t &A n h

Von b&E n qui ph&E m ph&A p lu&A t IU von b&E n ch&O a &O ng c&A c qui t&E c x&A s&A o chung (m&A ng t&A n h qui ph&E m ph&E bi&A n)

Von b&E n QPPL &O u c&E &A p d&A ng nhi&A u l&A n trong &O i s&E ng x&A h&E i, &A p d&A ng trong m&E i tr&O ng h&U p khi c&E s&A ki&A n ph&A p l&O x&E y ra.

² Luật ban hành văn bản QPPL quy định: "Văn bản quy phạm pháp luật là văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo thủ tục, trình tự luật định, trong đó có các quy tắc xã hội chung, có hiệu lực bắt buộc đối với các quan hệ xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa."

Cơ quan ban hành		Loại văn bản	Nội dung
Quốc hội		Hiến pháp, Luật, Nghị quyết	- HP là luật cơ bản, qui định những vấn đề cơ bản nhất của QG. - Luật điều chỉnh các loại quan hệ trong đời sống nhà nước và xã hội - Giải quyết những vấn đề cụ thể, nhất thời
Ủy ban thường vụ Quốc hội		Pháp lệnh, Nghị Quyết	- Nhiều PL mang tính chất luật, điều chỉnh QHXX chưa được pháp điển hoá thành Luật. - Nghị quyết giải quyết những vấn đề cụ thể.
Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở trung ương ban hành để thi hành VBQPPL của Quốc hội và UBTVQH	Chủ tịch nước	Lệnh, Quyết định	- Có hiệu lực pháp lý gần như ngang với văn bản của UBTVQH, cao hơn các VB của CP và các cơ quan khác ở trung ương.
	Chính Phủ	Nghị quyết, Nghị định	- Có hiệu lực pháp lý thấp hơn văn bản của CTN
	Thủ tướng Chính Phủ	Quyết định, Chỉ thị	- Sử dụng trong quá trình điều hành Chính Phủ.
	Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ	Quyết định, Chỉ thị, Thông tư	- giới hạn trong phạm vi của một Bộ, hoặc cùng các Bộ, ban ngành, TCXH cùng thực hiện một vấn đề chung
	Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao	Nghị quyết	
	Viện trưởng VKSNDTC	Quyết định, Chỉ thị, Thông tư	
Hội đồng nhân dân		Nghị quyết	
Ủy ban nhân dân		Quyết định, Chỉ thị	

Hệ thống văn bản qui phạm pháp luật ở Việt Nam theo Hiến pháp năm 1992 và Luật ban hành văn bản qui phạm pháp luật (có hiệu lực từ ngày 1/1/1997) bao gồm:

- Văn bản do Quốc hội ban hành: Hiến pháp, luật, nghị quyết.
- Văn bản do Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành: pháp lệnh, nghị quyết
- Văn bản do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành để thi hành văn bản qui phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội:
 - + Lệnh, quyết định của Chủ tịch nước
 - + Nghị quyết, nghị định của Chính Phủ, quyết định, chỉ thị của Thủ tướng chính phủ
 - + Quyết định, Chỉ thị, thông tư của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ.

- + Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; quyết định, chỉ thị, thông tư của Viện trưởng Viện Kiểm Sát nhân dân tối cao
- + Nghị quyết, thông tư liên tịch giữa các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, giữa các cơ quan nhà nước có thẩm quyền với các tổ chức chính trị xã hội.
- Văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ban hành để thi hành văn bản qui phạm pháp luật của Quốc hội, uỷ ban thường vụ Quốc hội và văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên; văn bản do Ủy ban nhân dân ban hành còn để thi hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp:
 - Nghị quyết của Hội đồng nhân dân;
 - Quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân.

Thực trạng:

Ưu điểm:

- + Pháp luật từ chỗ tản mạn nay đã có hẳn chương trình xây dựng pháp luật, có luật ban hành qui phạm pháp luật.
- + Bước đầu có sự pháp điển hoá thành các bộ luật, pháp luật trở nên gần gũi, khách quan và khả thi hơn.
- + Pháp luật ngày càng ghi nhận các quyền và lợi ích chính đáng của con người, mà trước đây chủ yếu nói về nghĩa vụ, bổn phận
- + Ta đã quan tâm đến cả hai mặt pháp luật kinh doanh và pháp luật về các vấn đề xã hội, phát huy những mặt tích cực và tiêu cực của kinh tế thị trường, từng bước giải quyết hai vấn đề tăng trưởng kinh tế và ổn định xã hội.

Hạn chế:

1. Qui trình, thể thức ban hành văn bản của ta về cơ bản còn lạc hậu so với các nước trên thế giới.
2. VBQPPL của ta, qua đợt tổng rà soát đã phát hiện nhiều sai phạm, nhiều văn bản chống chéo, trái với qui định của luật, Nghị định...
3. Quá nhiều văn bản hướng dẫn thi hành, xét về tổng thể hệ thống văn bản QPPL của ta hiện rất lộn xộn. Có những văn bản hướng dẫn hay qui định một cách sai lạc so với qui định của pháp luật, hoặc văn bản cấp trên.
4. Văn bản pháp luật của ta thường xuyên thay đổi, mất đi tính ổn định của pháp luật.
5. Văn bản QPPL của ta thiếu tính minh bạch, nhiều qui phạm không có cách hiểu thống nhất. Nhiều văn bản mức độ khái quát hoá quá cao, dẫn đến việc hiểu như thế nào cũng được, không khả thi và khó thực hiện.
6. Nhiều văn bản pháp luật không được công khai hoá, khó cập nhật đối với người dân, dẫn đến tình trạng người dân không hiểu luật, thậm chí thờ ơ trước pháp luật.
7. Trong những năm gần đây không hẳn là chúng ta thiếu các văn bản pháp luật, tuy nhiên vấn đề thực thi trên thực tế lại không mấy hiệu quả, do pháp luật của chúng ta chưa đi vào cuộc sống, chưa được áp dụng một cách triệt để và đồng bộ.

Phương hướng hoàn thiện:

1. Dân chủ hoá trong việc ban hành các văn bản pháp luật, mục đích xây dựng nhà nước pháp quyền, Việt nam xã hội chủ nghĩa, tham gia lấy ý kiến đóng góp của nhân dân, VBQPPL ban hành phải thể hiện được ý chí và nguyện vọng của nhân dân, đáp ứng được lòng mong mỏi của nhân dân.
2. Nâng cao chất lượng soạn thảo, xây dựng văn bản QPPL, bằng việc khảo sát thực tế, phát hiện những vấn đề hợp lý nhưng chưa hợp pháp cần tháo gỡ để hoàn thiện.
3. Hoàn thiện hệ thống VBQPPL để người dân có thể dễ dàng truy cập, ngôn ngữ cần phải đơn giản, dễ hiểu, dễ vận dụng trên thực tế.

4. Văn bản pháp luật cần phải minh bạch hoá, chặt chẽ về mặt hình thức, đáp ứng được yêu cầu về mặt nội dung.
5. Tăng cường công tác pháp điển hoá, tập hợp hóa các văn bản dưới luật để đề lên thành luật. Đồng thời, kiểm tra, rà soát những văn bản đã hết hiệu lực

Các xu hướng phát triển cơ bản của pháp luật nước ta: (4 xu hướng)

1. Mở rộng phạm vi điều chỉnh:

- Trước đây pháp luật chủ yếu bó hẹp trong lĩnh vực truyền thống như hình sự... nay mở rộng ban hành nhiều luật như luật bảo vệ môi trường, luật giáo dục, luật di sản văn hoá v.v...

2. Xu hướng nhân đạo hoá vì quyền con người:

- Giảm bớt sự can thiệp bằng hình sự, án tử hình giảm còn 1/2, thay nhiều hình thức tù phạt tù chuyển thành phạt tiền v.v....

3. Pháp luật ghi nhận nhiều hơn các quyền tự do, dân chủ của công dân: (quan tâm đến con người cả dưới góc độ con người xã hội và con người sinh học v.v...)

- Quyền tự do kinh doanh theo pháp luật.
- Quyền sáng tác, học tập, quyền tham gia quản lý xã hội, quyền kết hôn

4. Pháp điển hoá:

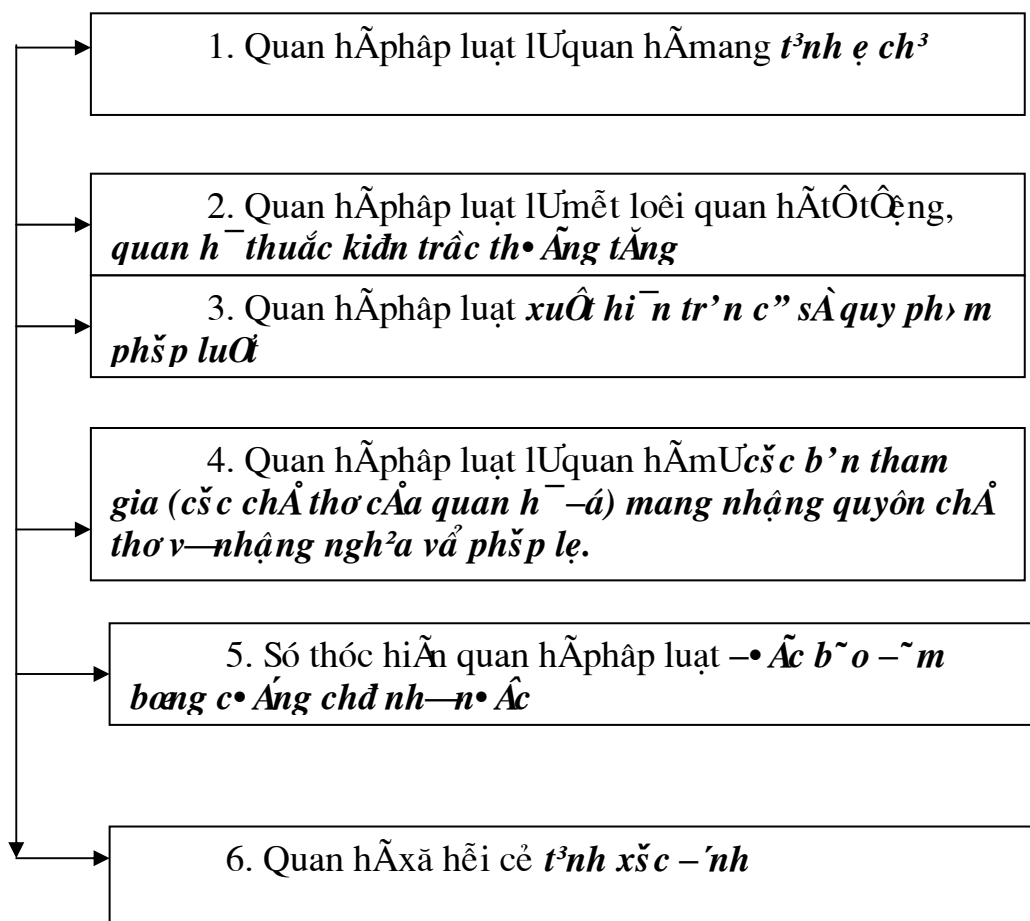
- Là trình độ phát triển cao của quá trình hệ thống hoá.

VD: Trước đây có pháp lệnh hợp đồng dân sự, pháp lệnh hợp đồng lao động nay quy định thành một chế định trong BLDS, và BLLĐ.

VẤN ĐỀ XV. QUAN HỆ PHÁP LUẬT XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Quan hệ pháp luật là hình thức pháp lý của các quan hệ xã hội, xuất hiện dưới tác động điều chỉnh của các quy phạm pháp luật (Tự nghiên cứu)

Đặc điểm:



VẤN ĐỀ XVI. THỰC HIỆN PHÁP LUẬT

Thực hiện pháp luật là hiện tượng, quá trình có mục đích làm cho những qui định của pháp luật trở thành hoạt động thực tế của các chủ thể pháp luật. (Tự nghiên cứu)

Những hình thức thực hiện pháp luật:

Tuân thủ pháp luật	Các chủ thể pháp luật <i>kiêm chế không tiến hành các hoạt động mà pháp luật ngăn cấm</i> . VD: Không vượt đèn đỏ
Thi hành pháp luật	Các chủ thể thực hiện nghĩa vụ của mình bằng <i>hành động tích cực</i> . VD: Thực hiện nghĩa vụ đóng tiền lao động công ích
Sử dụng pháp luật	Là hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các chủ thể <i>thực hiện quyền chủ thể</i> của mình. VD: Quyền bầu cử, ứng cử
áp dụng pháp luật	Nhà nước <i>thông qua cơ quan có thẩm quyền tổ chức cho các chủ thể thực hiện những qui định của pháp luật</i> .

VẤN ĐỀ XVII

VI PHẠM PHÁP LUẬT

1. Khái niệm vi phạm pháp luật và những đặc điểm (dấu hiệu) của vi phạm pháp luật.

1.1. Khái niệm:

VPPL là hành vi trái pháp luật, xâm hại những quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ, do các chủ thể có năng lực hành vi thực hiện một cách cố ý hay vô ý, gây hậu quả thiệt hại cho xã hội.

b. Các dấu hiệu của vi phạm pháp luật:

1.1.1. Hành vi: có hai dạng hành động và không hành động của con người

CH1: Cho ví dụ về hành vi hành động và không hành động?

CH2: ý nghĩ, tư tưởng mà chưa thể hiện thành hành vi bị pháp luật cấm có thể gọi là vi phạm pháp luật không?

1.1.2. Có tính trái pháp luật:

Thế nào là trái pháp luật? Trái pl ở đây là trái với yêu cầu của qui phạm pháp luật hoặc trái với tinh thần chung của pháp luật.

1.1.3. Có lỗi:

Lỗi là gì? Là thái độ tâm lý của chủ thể thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, chủ thể có khả năng nhận thức được hành vi trái pháp luật của mình và hậu quả mà hành vi đó có thể gây ra cho xã hội, nhưng vẫn thực hiện hành vi đó.

Trên thực tế lỗi được biểu hiện dưới hai dạng lỗi cố ý và lỗi vô ý

2. Cấu thành vi phạm pháp luật

Có 4 yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật:

- Mặt khách quan
- Khách thể
- Mặt chủ quan
- Chủ thể

2.1. Chủ thể: Là cá nhân, tổ chức có năng lực hành vi.

Về khái niệm: Năng lực hành vi là khả năng chủ thể bằng hành vi của mình để thực hiện trên thực tế quyền chủ thể và nghĩa vụ pháp lý.

- **Phân biệt các khái niệm: Cá nhân? Cá thể? Người? Công dân?**
- Một chủ thể có năng lực hành vi phụ thuộc vào độ tuổi và trạng thái tâm lý:

Luật Dân sự: (Từ điều 37 – 42) qui định các mức độ có năng lực hành vi trong luật dân sự:

- Đủ 18 tuổi, không mắc bệnh...: có NLHV đầy đủ
- Từ 6 đến dưới 18 tuổi: có NLHV hạn chế (Từ 15 đến dưới 18 tuổi nếu có tài sản riêng có thể tự tham gia QHPLDS).
- Dưới 16 tuổi: Không có năng lực hành vi
- Các trường hợp khác:
 - Mất năng lực hành vi dân sự: Những người bị tâm thần, bị bệnh lý khác mà không làm chủ được hành vi của mình. (Phải có quyết định công nhận của tòa án).
 - Hạn chế NLHVDS: Là những người nghiện ma túy, hoặc các chất kích thích khác dẫn đến phá tán tài sản của gia đình.

- Người say rượu (Điều 143 BLDS)

Luật Hình sự (Điều 12 cho SV đọc):

Từ 14 đến dưới 16 tuổi: chịu trách nhiệm về tội rất nghiêm trọng do cố ý và tội đặc biệt nghiêm trọng.

Từ 16 tuổi trở lên chịu trách nhiệm về mọi tội phạm

Luật Lao động (Điều 6 cho SV đọc):

Người sử dụng lao động: từ 18 tuổi trở lên

Người lao động: từ 15 tuổi trở lên.

Luật Hôn nhân và gia đình: (Điều 9 và Điều 10 về điều kiện kết hôn cho SV đọc)

Nữ: 18 tuổi; Nam 20 tuổi

- Phân biệt khái niệm pháp nhân và tổ chức?³

2.2. Mặt chủ quan:

Là các dấu hiệu thể hiện trạng thái tâm lý bên trong của vi phạm pháp luật

Lỗi

Lỗi	Lỗi cố ý	<p><i>Cố ý trực tiếp:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội. 2. Nhận thức rõ hậu quả sẽ xảy ra. 3. Mong muốn cho hậu quả xảy ra.
		<p><i>Cố ý gián tiếp:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội 2. Nhận thức hậu quả có thể xảy ra. 3. Tuy không mong muốn nhưng có ý thức bỏ mặc cho hậu quả xảy ra.
Lỗi vô ý	Lỗi vô ý	<p><i>Vô ý do quá tự tin:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. <i>Nhận thức được</i> hành vi của mình có thể gây hậu quả nhưng cho rằng hậu quả không xảy ra hoặc xảy ra thì có thể ngăn ngừa và khắc phục được.
		<p><i>Vô ý do cầu thả:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. <i>Không thấy trước được</i> hành vi của mình có thể gây hậu quả nguy hại cho xã hội, mặc dù phải thấy hoặc có thể thấy trước.

- Động cơ phạm tội:

Động cơ phạm tội là nhân tố bên trong (lợi ích, nhu cầu...) thúc đẩy người phạm tội thực hiện tội phạm.

³ Điều 94 BLDS:

Một tổ chức được công nhận là pháp nhân khi có đủ các điều kiện sau:

1. Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập, cho phép thành lập, đăng ký hoặc công nhận;
2. Có cơ cấu tổ chức chặt chẽ;
3. Có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó.
4. Nhân danh mình tham gia các quan hệ pháp luật một cách độc lập.

VD: Giết người với động cơ đê hèn khác với giết người nhưng với động cơ phòng vệ chính đáng.

- Mục đích phạm tội:

là cái “mốc”, là mô hình được hình thành trong ý thức của người phạm tội và người phạm tội mong muốn đạt được trên thực tế.

2.3. Mặt khách quan:

Hành vi trái pháp luật? Là hành vi xâm phạm các quan hệ xã hội do pháp luật bảo vệ. Đây là dấu hiệu quan trọng nhất trong một số vi phạm pháp luật thì chỉ cần hành vi là đủ căn cứ cấu thành mặt khách quan của VPPL. VD: Tội trộm cắp tài sản. VD: Hành vi đặt cọc tiền mua nhà nhưng sau đó lại không mua trong LDS.

Hậu quả? Thiệt hại về vật chất hoặc tinh thần đối với cá nhân, tổ chức, Nhà nước.

Mối quan hệ nhân quả? Hành vi là nguyên nhân trực tiếp phát sinh ra hậu quả.

Các yếu tố khác:

+ Phương tiện phạm tội:

VD: Tội đưa hối lộ: Phương tiện là những giá trị vật chất như tiền, đồ vật, kim loại quý...

VD: Tội cướp tài sản: Nếu dùng vũ khí thì tính chất, mức độ sẽ khác với dùng tay không v.v...

+ Phương pháp, thủ đoạn:

VD: Tội lừa đảo, chiếm đoạt tài sản (Điều 134 BLHS)

Hoặc có thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây hại cho người khác.

+ Thời gian, địa điểm, hoàn cảnh phạm tội:

VD: Tội hoạt động phi (Điều 77) chỉ có ở vùng núi, vùng biển.

4. Khách thể: là những quan hệ xã hội bị xâm hại

- Mục đích: để phân biệt mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội
- VD: xâm phạm an ninh quốc gia, tính mạng con người sẽ khác với gây rối trật tự công cộng.

3. Các loại vi phạm pháp luật:

Vi phạm pháp luật hình sự: là hành vi nguy hiểm cao cho xã hội; gây thiệt hại lớn cho xã hội.

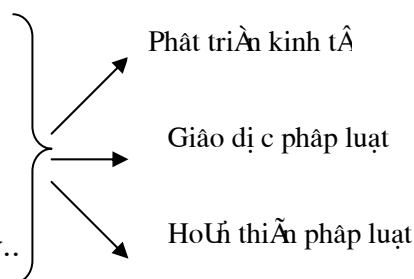
Vi phạm pháp luật hành chính: ít nguy hiểm hơn gây thiệt hại ít hơn

Vi phạm kỉ luật: đối với cán bộ, công chức.

Vi phạm trong quan hệ dân sự: mua bán, trao đổi, cầm cố v.v...

4. Nguyên nhân, đấu tranh

- Kinh tế: LLSX >< QHSX
- Dân trí, ý thức pháp luật
- Bẩm sinh, môi trường sống.
- Thù địch bên ngoài, diễn biến hoà bình v.v..



VD: Cầu hầm chui Văn Thánh trên đường Nguyễn Hữu Cảnh TP. Hồ Chí Minh là điển hình của việc rút ruột công trình qua cắt xén vật tư, thay đổi thiết kế.

VD: Trong vụ án Trương Văn Cam và đồng bọn thì rõ, có hai trường phái rõ ràng: một bên là nhà báo đấu tranh chống bọn xã hội đen thì cũng có những nhà báo bảo kê cho nó.

VẤN ĐỀ XVIII

Ý THỨC PHÁP LUẬT: LÝ LUẬN CƠ BẢN VÀ LIÊN HỆ THỰC TIỄN

Khái niệm: ý thức pháp luật là một phạm trù có tính chủ quan của con người, là tổng thể những học thuyết, tư tưởng, tình cảm của con người thể hiện thái độ, sự đánh giá về tính công bằng hay không công bằng, đúng đắn hay không đúng đắn của pháp luật hiện hành, pháp luật trong quá khứ, pháp luật cần phải có về tính hợp pháp hay không hợp pháp trong cách xử sự của con người, trong hoạt động của các cơ quan tổ chức

Đặc điểm:

1. ý thức pháp luật chịu sự qui định của tôn tại xã hội, nhưng nó có tính độc lập tương đối. (4 ý)

ý 1+ Nó thường lạc hậu hơn tôn tại xã hội, nhưng nó có tính độc lập tương đối.

Phân tích tính lạc hậu của ý thức pháp luật:

Tôn tại cũ mất đi nhưng ý thức cũ vẫn còn:

- ý thức của thời PK: trọng nam khinh nữ, tốt xấu như nhau,....

- ý thức của thời bao cấp: bình quân, vô trách nhiệm, pháp luật nặng về hình phạt, pháp luật có tính bảo thủ, trì trệ.

- ý thức pháp luật bản thân nó không theo kịp pháp luật hiện hành. VD: Luật ban hành ra rồi nhưng bản thân các cán bộ thi hành không biết, vẫn nghĩ là nó chưa được ban hành, nên không cho áp dụng.

- Thậm chí tư duy cũng không theo kịp sự thay đổi đến "chóng mặt" của tôn tại xã hội. VD: Việc giảng dạy pháp luật không theo kịp với sự phát triển chung của thế giới...

ý 2+ Trong những điều kiện nhất định, tư tưởng pháp luật, đặc biệt là tư tưởng pháp luật khoa học có thể vượt trước sự phát triển của tôn tại xã hội.

VD: Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay sắc lệnh thành đạo luật, VD: Dịch vụ công, dịch vụ hành chính công đang triển khai, VD: Nhà nước pháp quyền....

ý 3+ ý thức pháp luật phản ánh tôn tại xã hội ở một thời đại nào đó, song nó cũng kế thừa những yếu tố nhất định thuộc ý thức pháp luật của thời đại trước đó.

ý 4+ ý thức pháp luật tác động trở lại đối với tôn tại xã hội, với ý thức chính trị, đạo đức và các yếu tố khác thuộc thượng tầng kiến trúc pháp lý như nhà nước và pháp luật

Thứ hai, ý thức pháp luật là hiện tượng mang tính giai cấp

+ Trong mỗi quốc gia tồn tại nhiều hệ thống ý thức pháp luật: ý thức pháp luật của giai cấp thống trị, ý thức pháp luật của giai cấp bị trị, của các tầng lớp trung gian...nhưng chỉ có ý thức pháp luật của giai cấp thống trị mới được phản ánh vào trong pháp luật.

+ ý thức pháp luật của giai cấp thống trị mâu thuẫn với ý thức pháp luật của giai cấp bị trị trong xã hội

+ ở nước ta, giữa ý thức pháp luật cũng mang tính giai cấp, nhưng ý thức pháp luật của các giai cấp, tầng lớp về cơ bản là thống nhất cao.

Cơ cấu của ý thức pháp luật:

Căn cứ vào mức độ và phạm vi nhận thức, có thể phân chia thành ý thức pháp luật thông thường và ý thức pháp luật mang tính lý luận

Căn cứ vào tính chất, nội dung có thể phân chia thành: tâm lý pháp luật và hệ tư tưởng pháp luật.

Căn cứ vào chủ thể của ý thức pháp luật có thể phân loại thành ý thức pháp luật xã hội, ý thức pháp luật nhóm, ý thức pháp luật của cá nhân.

Mối quan hệ giữa ý thức pháp luật và pháp luật:

Giữa pháp luật và ý thức pháp luật có một mối liên hệ biện chứng, thường xuyên tác động và ảnh hưởng lẫn nhau.

1. Sự tác động của ý thức pháp luật đối với pháp luật và vai trò của ý thức pháp luật và pháp luật:

- ý thức pháp luật có vai trò to lớn, là tiền đề, tư tưởng trực tiếp trong hoạt động xây dựng và ban hành văn bản pháp luật.

VD: Nhà làm luật muốn ban hành pháp luật đúng đắn, phụ thuộc rất lớn vào ý thức pháp luật của nhà làm luật, vào tri thức của nhà làm luật.

- ý thức pháp luật có vai trò to lớn trong hoạt động áp dụng pháp luật của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

VD: Để tuyên một bản án đúng luật, thấu tình đạt lý, điều này phụ thuộc rất nhiều vào ý thức pháp luật của người thẩm phán.

- ý thức pháp luật có vai trò to lớn trong việc chấp hành pháp luật của cá nhân, tổ chức.

VD: ở một đoạn đường, thấy không có công an, ban đầu là một người vượt đèn đỏ, sau dần nhiều người khác cũng vượt đèn đỏ.

2. Sự tác động trở lại của pháp luật đối với ý thức pháp luật của các thành viên trong xã hội:

- Nếu như các quy định pháp luật, quyết định áp dụng pháp luật đúng đắn, phù hợp với cuộc sống sẽ có tác động tích cực, bồi dưỡng, nâng cao ý thức pháp luật cho người dân.

- Ngược lại những qui định pháp luật lạc hậu, bất hợp lý không đảm bảo lợi ích chính đáng của con người sẽ có tác động tiêu cực trở lại.

VD: Qui định về đội mũ bảo hiểm xe máy đi trong thành phố, rồi qui định xe máy biển số chẵn đi ngày chẵn, xe máy biển số lẻ đi ngày lẻ, rõ ràng ở thời điểm hiện nay, trong điều kiện nước ta là chưa phù hợp.

Liên hệ thực tiễn:

Tích cực:

- Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI nhấn mạnh phải: "Coi trọng công tác giáo dục, tuyên truyền, giải thích pháp luật và cần sử dụng nhiều hình thức và biện pháp để giáo dục, nâng cao ý thức pháp luật cho nhân dân"
- ý thức pháp luật của nhân dân đã dần được nâng lên. Do vậy ý thức tôn trọng pháp luật cũng càng ngày càng được nâng cao.
- Hợp đồng hoá các giao dịch v.v. Không còn khái niệm bình quân chủ nghĩa
- Do sự hiểu biết pháp luật được nâng lên dẫn đến sự nổ rộ trong việc sáng tác, hình thành nhiều quan điểm, tư tưởng pháp luật....
- Qui trách nhiệm thưởng phạt rõ ràng, cố gắng phù hợp với hưởng thụ.
- Không còn ý thức dựa dẫm, ỷ lại, sự trù dập v.v...

Hạn chế:

- Trên thực tế, nước ta đi lên CNXH từ một điểm xuất phát thấp, thói quen sản xuất nhỏ, hạn chế về nhận thức, những tồn tại về tàn tích, tập tục lạc hậu vẫn còn, vì vậy việc giáo dục nâng cao ý thức pháp luật còn gặp phải rất nhiều khó khăn.

- Nhiều nhà nghiên cứu sử học khi nghiên cứu về truyền thống pháp luật ở Việt Nam đã từng nhận xét: "Nước ta đã chịu hàng ngàn năm Bắc thuộc, nhưng chúng ta không mất đi cái bản sắc, không bị đồng hoá, mà cội rễ của nó chính là văn hoá làng xã đã ăn sâu và là đặc trưng truyền thống của người Việt. Với căn cứ đó các nhà sử học đã khẳng định rằng, trong một thời gian dài người Việt có thói quen chống lại Luật pháp, không tuân thủ luật pháp của nước đô hộ, mà coi trọng những qui định của Làng xã, mà nay gọi là hương ước nhiều hơn". Hiện nay ở nhiều vùng dân tộc thiểu số, nhiều vùng không biết đến pháp luật, dẫn đến hiện tượng vi phạm pháp luật, hoặc xử lý không đúng pháp luật.

- Đó là chưa kể đến qua đợt tổng rà soát các văn bản qui phạm pháp luật vừa qua đã phát hiện nhiều sai phạm, nhiều văn bản chồng chéo. Thực trạng hệ thống văn bản qui phạm pháp luật của ta còn lạc hậu cả về thể thức ban hành và nội dung ban hành, văn bản thiếu minh bạch, thiếu thống nhất, nhiều văn bản pháp luật ra đời nhưng không đi vào cuộc sống. Mặt khác nhiều văn bản pháp luật của ta còn khó cập nhật, dẫn đến tình trạng một bộ phận lớn người dân không hiểu luật, thậm chí thờ ơ trước pháp luật.

Phương hướng hoàn thiện (Về cơ bản gồm có các giải pháp về: Kinh tế, dân trí, giáo dục đạo đức, tư vấn pháp luật, hoàn thiện hệ thống pháp luật, hình thành thói quen, nếp sống tuân theo pháp luật)

1- Trở lại với vấn đề thực tiễn hiện nay, chúng ta thấy để pháp luật thực sự đi vào cuộc sống bên cạnh việc giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cần tìm hiểu những giá trị của Luật tục để đưa ra sự điều chỉnh về mặt pháp luật cho phù hợp. Ngôn ngữ của pháp luật phải phổ thông, dễ hiểu, dễ áp dụng trên thực tế. Văn bản pháp luật phải dễ truy cập, kết hợp giải quyết tốt mối quan hệ về tính hợp lý và tính hợp pháp để pháp luật có được tính khả thi khi đi vào cuộc sống.

2- Mở rộng dân chủ công khai, tạo điều kiện cho nhân dân tham gia một cách đồng đẳng vào việc soạn thảo, thảo luận, đóng góp ý kiến về các dự án pháp luật để thông qua đó nâng cao ý thức pháp luật của người dân.

3- Đẩy mạnh sự lãnh đạo của Đảng trong công tác giáo dục, nâng cao ý thức pháp luật. Sự lãnh đạo của Đảng phải đảm bảo thường xuyên, đầy đủ và toàn diện...

4- Đẩy mạnh công tác bồi dưỡng đội ngũ cán bộ pháp lý có đủ năng lực, trình độ, có phẩm chất chính trị và phong cách làm việc tốt để bố trí vào các cơ quan làm công tác pháp luật.

5- Đẩy mạnh công tác đấu tranh chống vi phạm pháp luật, tổ chức cho nhân dân tham gia một cách mạnh mẽ vào công tác này, dùng sức mạnh của pháp chế xã

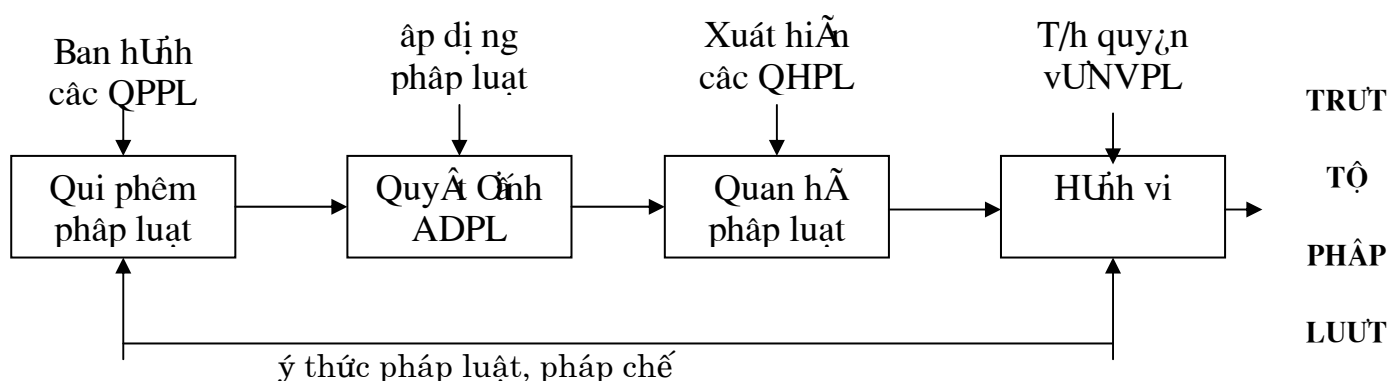
hội chủ nghĩa, kết hợp với dư luận quần chúng, đấu tranh chống những hành vi vi phạm pháp luật.

6- Phải kết hợp giáo dục pháp luật với giáo dục đạo đức, văn hoá, nâng cao trình độ chung của nhân dân.

VẤN ĐỀ XIX. CƠ CHẾ ĐIỀU CHỈNH PHÁP LUẬT

Cơ chế điều chỉnh pháp luật là quá trình thực hiện sự tác động của pháp luật lên các quan hệ xã hội. Quá trình này trải qua 4 giai đoạn:

1. Ban hành các qui phạm pháp luật - yếu tố qui phạm pháp luật
2. áp dụng pháp luật -
3. Xuất hiện các quan hệ pháp luật
4. Thực hiện quyền chủ thể và nghĩa vụ pháp lý



Trật tự pháp luật là hệ thống các quan hệ xã hội được pháp luật điều chỉnh, trong đó xử sự của các chủ thể pháp luật là hợp pháp.

Phân biệt cơ chế điều chỉnh pháp luật với pháp luật?

Pháp luật là tổng thể các qui tắc xử sự do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận còn cơ chế điều chỉnh pháp luật là pháp luật được hiện thực hoá trong những trường hợp cụ thể. Nếu như pháp luật được hiểu là ở trạng thái tĩnh thì cơ chế điều chỉnh của pháp luật là ở trạng thái động.

Trong cơ chế điều chỉnh pháp luật, giai đoạn ban hành văn bản qui phạm pháp luật là giai đoạn đầu tiên và có ý nghĩa hết sức quan trọng:

1. Nó là cơ sở, tiền đề cho mọi yếu tố khác nhau của cơ chế điều chỉnh pháp luật
2. Chất lượng mỗi giai đoạn, cũng như cơ chế điều chỉnh pháp luật phụ thuộc rất nhiều vào bản thân các qui phạm pháp luật.
3. Một qui phạm pháp luật không đúng đắn xét theo yêu cầu của nguyên tắc pháp chế, mọi chủ thể liên quan vẫn phải thi hành.

VẤN ĐỀ XIX PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Pháp chế là sự đòi hỏi các cơ quan nhà nước, nhân viên nhà nước, các tổ chức xã hội và mọi công dân phải thực hiện đúng, thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật trong hoạt động của mình.

Đặc điểm

1.- Pháp chế là nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước:

+ Điều 12 Hiến pháp qui định: "*Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa*"

+ Cơ quan Nhà nước, cán bộ, nhân viên nhà nước đều phải nghiêm chỉnh và triệt để tôn trọng pháp luật

+ Mọi vi phạm pháp luật phải được xử lý nghiêm minh.

2- Pháp chế là nguyên tắc tổ chức và hoạt động của tổ chức chính trị xã hội và đoàn thể quần chúng.

+ "Mọi tổ chức của Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến Pháp và pháp luật".

+ Đảng viên vi phạm pháp luật đều bị xử lý như những công dân bình thường khác.

+ Điều lệ của các tổ chức xã hội phải phù hợp với pháp luật.

3- Pháp chế là nguyên tắc xử sự của công dân:

+ Mọi công dân bình đẳng trước pháp luật, mọi công dân đều được pháp luật bảo vệ những quyền và lợi ích hợp pháp.

+ Kiến thức về luật pháp trong thời buổi kinh tế thị trường trở thành một thứ "vũ khí", trở thành một tiêu chuẩn chung để đánh giá một người trí thức hiện đại.

Các nguyên tắc của pháp chế:

1. Đảm bảo tính thống nhất của pháp chế (tránh cục bộ, địa phương, tùy tiện, đảm bảo xử lý một cách nghiêm minh mọi trường hợp vi phạm...)

2. Mọi chủ thể đều có nghĩa vụ phải chấp hành pháp luật

3. Bảo đảm tính tối cao của Hiến pháp và các đạo luật

4. Bảo đảm và bảo vệ các quyền và tự do của công dân đã được pháp luật qui định

5. Ngăn chặn kịp thời và xử lý nhanh chóng, công minh mọi vi phạm pháp luật

6. Tính pháp lý thống nhất với tính hợp lý và sự công bằng (thực tế nhiều qui định chưa hợp lý, có thể là khó thực hiện, không thể thực hiện hoặc không công bằng v.v... khi thực hiện vẫn phải ưu tiên tính hợp pháp, sau đó đề nghị kiến nghị, sửa đổi v.v...ý nghĩa của nó là tạo trật tự pháp luật, tránh sự tùy tiện, hơn nữa qua đó nếu thấy các qui định chưa hợp lý thì cần thiết phải sửa đổi, không để bất cập kéo dài...Thực tế do quan hệ xã hội thay đổi một cách nhanh chóng vì vậy khi đưa ra giải pháp cần chú ý đến tính khả thi, tính khách quan, và những vấn đề đạo đức v.v...)

7. Tuân thủ nghiêm chỉnh kỷ luật nhà nước và xã hội

Biện pháp tăng cường pháp chế trong giai đoạn hiện nay:

1. Đẩy mạnh công tác xây dựng pháp luật:

2. Tổ chức tốt công tác thực hiện pháp luật

3. Tiến hành thường xuyên, kiên trì công tác kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm minh những vi phạm pháp luật